

Số: 7768/BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu

I. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Kết quả chung

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến nội dung dự án, dự thảo: Qua rà soát đã xác định được có 57 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Luật bao gồm các văn bản sau: Công ước UNESCO 1972 quy định về Bảo vệ Di sản văn hóa và Thiên nhiên Thế giới, 32 Luật, 08 Nghị quyết đặc thù của Quốc hội, 01 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 16 Nghị định. Trong đó, liên quan đến nội dung sửa đổi, bổ sung:

1.1. Luật Quy hoạch:

Có 14 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nội dung sửa đổi, bổ sung, bao gồm: 06 Luật, 03 Nghị quyết của Quốc hội; 04 Dự án Luật dự kiến sẽ được trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến hoặc thông qua tại Kỳ họp thứ 8 hoặc Kỳ họp thứ 9; 01 Nghị định, cụ thể như sau:

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15; Luật Giá số 16/2023/QH15; Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15; Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Đường bộ số 36/2024/QH15.

- Các Luật có quy định liên quan đến quy hoạch:

+ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

+ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội;

+ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14; Luật Bảo vệ môi trường

số 72/2020/QH14; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2022;

+ Luật Điện lực số 28/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 24/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực; Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

+ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030;

- Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;

- Nghị quyết số 50/2024/UBTVQH15 ngày 22 tháng 8 năm 2024 quy định một số nội dung liên quan đến việc bảo đảm yêu cầu phân loại đô thị và tiêu chuẩn của đơn vị hành chính để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2025;

- Các Dự án Luật dự kiến sẽ được trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến hoặc thông qua tại Kỳ họp thứ 8 hoặc Kỳ họp thứ 9: Dự án Luật Quy hoạch đô thị và nông dự kiến được Quốc hội trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 7 và thông qua tại Kỳ họp thứ 8; Dự án Luật Địa chất và khoáng sản trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 7 và dự kiến thông qua tại Kỳ họp thứ 8; Dự án Luật Đầu tư công sửa đổi dự kiến trình cho ý kiến và thông qua Quốc hội tại Kỳ họp thứ 8; Dự án Luật Điện lực dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8 và thông qua tại Kỳ họp thứ 9;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 58/2023/NĐ-CP và Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

1.2. Luật Đầu tư

Có 19 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nội dung sửa đổi, bổ sung, bao gồm: 08 Luật, 01 Nghị quyết đặc thù của Quốc hội, 09 Nghị định, cụ thể như sau:

- Công ước UNESCO 1972 quy định về Bảo vệ Di sản văn hóa và Thiên nhiên Thế giới

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2016/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15; Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2009/QH12;

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14;

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật Thanh tra số 11/2022/QH15, Luật Giá số 16/2023/QH15, Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15;

- Nghị quyết số: 137/2024/QH15 về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ;

- Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

1.3. Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Có 13 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nội dung sửa đổi, bổ sung, bao gồm: 06 Luật, 04 Nghị quyết đặc thù của Quốc hội, 01 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 02 Nghị định, cụ thể như sau:

- Luật Thủ đô;

- Luật Tài nguyên nước;

- Luật Đất đai;

- Luật Đường bộ;

- Luật Đầu tư công;

- Luật Ngân sách nhà nước;

- Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Tp. Hồ Chí Minh;

- Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;

- Nghị quyết số 136/2024/QH15 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

- Nghị quyết số 137/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An;

- Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 ngày 21/10/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về đầu tư và khai thác các công trình giao thông theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh - Chuyển giao;

- Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Nghị định số 69/2019/NĐ-CP ngày 15/8/2019 của Chính phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao.

1.4. Luật Đấu thầu

Có 20 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nội dung sửa đổi, bổ sung, bao gồm: 01 Bộ Luật, 11 Luật, 08 Nghị định, cụ thể như sau:

- Bộ Luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13;
- Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;
- Luật Tổ chức chính phủ số 76/2015/QH13;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;
- Luật Báo chí số 103/2016/QH13;
- Luật Dược số 105/2016/QH13;
- Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14
- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;
- Luật số 47/2019/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;
- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14;
- Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;
- Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 27/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23/12/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 18/2022/NĐ-CP ngày 18/02/2022 của Chính phủ về nghi lễ

- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

2. Kết quả cụ thể

2.1. Về nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch

2.1.1. Về hệ thống quy hoạch quốc gia

Phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch tại Điều 1 quy định việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia.

Theo quy định tại Điều 5 thì hệ thống quy hoạch quốc gia bao gồm (i) quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia; (ii) quy hoạch vùng; (iii) quy hoạch tỉnh; (iv) quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và (v) quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

Theo quy định tại khoản 9 Điều 3, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành bao gồm các quy hoạch được quy định tại Phụ lục II của Luật này.

Các quy định nêu trên có một số vướng mắc như sau:

- Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành không thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia quy định tại Điều 5, và do vậy không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch quy định tại Điều 1; nhưng được định nghĩa tại Điều 3 và liệt kê danh mục tại Phụ lục II, dẫn đến có các cách hiểu khác nhau về phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch, gây khó khăn, vướng mắc trong việc lập và thực hiện quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

- Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh nhưng Điều 6 không quy định mối quan hệ giữa loại quy hoạch này với các quy hoạch khác thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia dẫn đến các cách hiểu khác nhau về vai trò, vị trí của loại quy hoạch này, chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên kết của hệ thống quy hoạch và gây khó khăn, vướng mắc trong việc lập và thực hiện các quy hoạch.

- Quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia theo quy định tại Điều 5 nhưng lại có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành do cụ thể hóa quy hoạch tỉnh (theo quy định khoản 9 Điều 3) và được lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành (theo quy định tại Điều 28). Quy định này dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng pháp luật để xác định vai trò, vị trí của quy hoạch đô thị và nông thôn và kinh phí cho hoạt động quy hoạch này. Nội dung này cũng đang được đề xuất sửa đổi tại Dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn đã trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7, dự kiến thông qua tại kỳ họp thứ 8

(tháng 10 năm 2024), theo đó xác định rõ quy hoạch đô thị và nông thôn là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

- Điều 20 quy định một trong các căn cứ lập quy hoạch là quy hoạch cao hơn. Trong quá trình lập các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 đã có các cách hiểu khác nhau về việc quy hoạch cấp dưới phải chờ các quy hoạch cấp trên được phê duyệt hết mới có đủ căn cứ để lập, dẫn đến sự chậm chễ trong việc lập quy hoạch. Để khắc phục vướng mắc trên, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 giải thích khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 20 Luật Quy hoạch và các quy định này cũng đã được kế thừa tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch.

Do đó, trên cơ sở kế thừa quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14, Nghị quyết số 61/2022/QH15 và thống nhất với Dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn đã trình Quốc hội; việc sửa đổi Điều 5, Điều 6 và Điều 20 là cần thiết để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống quy hoạch, xác định rõ mối quan hệ giữa các quy hoạch và làm rõ căn cứ để lập quy hoạch. **2.1.2. Về nhiệm vụ lập quy hoạch; quy trình lập quy hoạch, nội dung quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch và trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch**

- Về nhiệm vụ lập quy hoạch:

Theo Điều 15 Luật Quy hoạch, Thủ tướng Chính phủ tổ chức thẩm định và thành lập Hội đồng “thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh”; nhưng theo khoản 2 Điều 29 Luật Quy hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập Hội đồng “thẩm định quy hoạch tỉnh”. Như vậy, không có sự đồng bộ giữa thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định “nhiệm vụ lập quy hoạch” và “lập quy hoạch” tỉnh. Do đó, đề xuất sửa đổi quy định tại Điều 15 theo hướng phân quyền việc thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để bảo đảm đồng bộ, thống nhất.

- Về quy trình lập quy hoạch

Theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 16, cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tư vấn “lập quy hoạch”; đồng thời, tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 16 Luật Quy hoạch, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan tiếp tục tổ chức lựa chọn tư vấn để “xây dựng các nội dung quy hoạch” đã được phân công và tổ chức thẩm định các nội dung này.

Việc triển khai lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030 theo quy định nêu trên gặp vướng mắc trong phối hợp giữa cơ quan lập quy hoạch với cơ quan được giao xây dựng các nội dung quy hoạch để không có sự trùng lặp trong việc lập và thẩm định nội dung quy hoạch và quy hoạch.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 5 Điều 5 của Luật Đầu tư công và khoản

9 Điều 9 Luật Ngân sách Nhà nước, vốn đầu tư công chỉ giao cho cơ quan lập quy hoạch, không giao vốn cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ được phân công xây dựng các nội dung quy hoạch; dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai lập các nội dung quy hoạch.

Vì vậy, đề xuất hoàn thiện quy định về quy trình lập quy hoạch để nâng cao hiệu quả trong việc phối hợp giữa cơ quan lập quy hoạch với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan trong lập và thẩm định quy hoạch; đồng thời bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước về quản lý chi phí.

- Về nội dung quy hoạch

+ Một số thuật ngữ thuộc lĩnh vực thủy lợi và điện lực trong nội dung quy hoạch tỉnh chưa có sự thống nhất với Luật Thủy lợi, Dự thảo Luật Điện lực đã trình Quốc hội; nội dung liên quan đến quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn được lập để cụ thể hóa quy hoạch tỉnh đang được sửa đổi tại Dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn đã trình Quốc hội. Do đó đề xuất sửa đổi các quy định có liên quan để đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật về quy hoạch.

+ Theo quy định tại các Điều 22, 23, 25, 26 và 27 Luật Quy hoạch, nội dung quy hoạch bao gồm Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên trong kỳ quy hoạch. Tuy vậy, quy định này chưa bảo đảm tính định hướng của quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; đồng thời trùng lặp với Danh mục dự án theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và các dự án đã được chấp thuận/quyết định chủ trương đầu tư... Trên thực tế dự án có thể thuộc nhiều ngành nghề, lĩnh vực và có quy mô, phạm vi, tính chất khác nhau và cũng không thể xác định được hết số lượng các dự án sẽ triển khai trong cả thời kỳ quy hoạch. Đồng thời, do biến động của tình hình kinh tế - xã hội, khả năng thu hút đầu tư... thứ tự ưu tiên thực hiện các dự án có thể thay đổi hoặc có thể phát sinh thêm dự án. Nếu xác định luôn các dự án trong quy hoạch và thứ tự ưu tiên thực hiện thì sẽ phải điều chỉnh quy hoạch nhiều lần mới có thể đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Do đó, đề xuất sửa đổi các quy định liên quan đến danh mục dự án để phản ánh đúng tính định hướng của các Danh mục dự án kèm theo; bảo đảm tính khả thi trong quá trình tổ chức, thực hiện quy hoạch.

- Về kế hoạch thực hiện quy hoạch:

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 45 Luật Quy hoạch, nội dung kế hoạch thực hiện quy hoạch bao gồm kế hoạch sử dụng đất có sự trùng lặp với kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 55 và khoản 1 Điều 56 Luật Quy hoạch thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thủ tục theo quy định nêu trên chưa tạo được cơ chế linh hoạt trong chỉ đạo

điều hành của địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch. Mặt khác, một số nội dung của kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh (như dự án đầu tư công, dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác...) đã được phân quyền cho các

địa phương theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Đầu tư.

Do đó, đề xuất sửa đổi quy định tại Điều 55 và Điều 56 Luật Quy hoạch để phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh để tạo sự chủ động, linh hoạt cho địa phương trong quá trình thực hiện quy hoạch tỉnh.

- Về trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch:

Theo quy định tại Điều 54 Luật Quy hoạch, việc điều chỉnh quy hoạch phải thực hiện đầy đủ thủ tục như đối với việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch mới, bao gồm nhiệm vụ lập quy hoạch, lập Hội đồng thẩm định quy hoạch... (mất 2 đến 3 năm). Trong khi đó, trên thực tế đã phát sinh nhiều tình huống cần điều chỉnh quy hoạch để đáp ứng yêu cầu cấp bách như: thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Quốc hội và Chính phủ nhưng không làm thay đổi mục tiêu và định hướng phát triển tại quy hoạch; hoặc để bảo đảm quy hoạch cấp dưới phù hợp với quy hoạch cấp trên kịp thời, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu thực tiễn (như điều chỉnh quy hoạch tỉnh do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; thực hiện các dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội thông qua...). Do vậy, đề xuất bổ sung quy định về điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn để bảo đảm đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2.1.3. Về kinh phí cho hoạt động quy hoạch

Điều 9 Luật Quy hoạch quy định về việc “sử dụng từ vốn đầu tư công” để lập quy hoạch; không quy định về việc sử dụng kinh phí thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác để lập quy hoạch; không có quy định về kinh phí cho quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Trong khi đó, pháp luật chuyên ngành trong một số lĩnh vực quy định về việc sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên để lập quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, hoặc một số quy định của pháp luật chuyên ngành lại quy định kinh phí lập quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thực hiện theo Luật Quy hoạch đã dẫn đến cách hiểu và thực hiện chưa thống nhất về nguồn kinh phí đối với hoạt động quy hoạch.

Nghị quyết số 61/2022/QH15 đã cho phép sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch mà đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì hành chưa được bố trí vốn, nhưng chưa quy định cụ thể việc lập, thẩm định quy hoạch sau khi Nghị quyết này có hiệu lực thì hành có được sử dụng kinh phí chi thường xuyên hay không, dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau và vẫn chưa khắc phục được triệt để các vướng mắc về kinh phí cho hoạt động quy hoạch.

Do vậy, đề xuất sửa đổi quy định về chi phí cho hoạt động quy hoạch tại Điều 9 Luật Quy hoạch theo hướng bổ sung quy định về việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác cho hoạt động quy hoạch, trong đó quy định cụ thể kinh phí cho quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để tạo sự đồng bộ, thống nhất trong việc sử dụng các nguồn ngân sách nhà nước phù hợp với tính chất của từng loại quy hoạch và đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch.

2.1.4. Về chế độ báo cáo

Hiện nay quy định về việc “rà soát quy hoạch định kỳ 05 năm” tại Điều 52 và “đánh giá thực hiện quy hoạch định kỳ” tại Điều 49 Luật Quy hoạch có sự trùng lặp về nội dung, cơ quan và thời kỳ thực hiện. Do đó đề xuất sửa đổi các quy định liên quan đến chế độ báo cáo để đơn giản hoá thủ tục, tiết kiệm thời gian và nguồn lực thực hiện.

2.1.5. Về khái niệm “dữ liệu có liên quan” của hệ thống thông tin quy hoạch

Theo quy định tại điểm c và d khoản 2 Điều 41, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp “dữ liệu có liên quan” thuộc phạm vi quản lý để cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch. Tuy nhiên, tại khoản 13 Điều 3 quy định “Cơ sở dữ liệu về quy hoạch là tập hợp thông tin thể hiện nội dung cơ bản về quy hoạch được xây dựng, cập nhật, duy trì để quản lý, khai thác và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử”.

Như vậy, các quy định nêu trên chưa có sự thống nhất về khái niệm cơ sở dữ liệu, dẫn đến vướng mắc khi triển khai nội dung này. Do đó, đề xuất chỉnh lý quy định về “dữ liệu có liên quan” tại điểm c và d khoản 2 Điều 41 để thống nhất với quy định về khái niệm “cơ sở dữ liệu về quy hoạch” tại khoản 13 Điều 3.

2.2. Về nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư

2.2.1. Về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư

- Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất tại điểm h khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư

Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hạ tầng khu công nghiệp của Thủ tướng Chính phủ đã được quy định và thực hiện xuyên suốt từ năm 2005 đến nay tại Luật Đầu tư năm 2005, Luật Đầu tư năm 2014 và Luật Đầu tư năm 2020.

Tổng kết 30 năm xây dựng và phát triển khu chế xuất, khu công nghiệp, khu kinh tế ở Việt Nam cho thấy, mặt được của việc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định nêu trên là đóng góp tích cực vào phát triển kinh

tế - xã hội của địa phương và cả nước¹, thu hút đầu tư nước ngoài một cách hiệu quả² trong bối cảnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp chưa được xây dựng đồng bộ, quản lý chặt chẽ và năng lực quản lý của các địa phương còn hạn chế; phát triển đồng bộ, thống nhất hệ thống hạ tầng các khu công nghiệp phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương, phát huy lợi thế về vị trí địa lý và tiềm năng phát triển kinh tế của các vùng³; nâng cao hiệu quả sử dụng đất; quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng và chuyển nhượng dự án đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; tránh phát triển tràn lan khu công nghiệp ở các địa phương, gây thất thoát, lãng phí...

Thực hiện chủ trương hoàn thiện, cải cách thể chế theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và ý kiến chỉ đạo về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước trong các lĩnh vực của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, việc thực hiện quy định chấp thuận chủ trương đầu tư nêu trên trong thời gian qua cũng đặt ra yêu cầu xem xét phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nội dung này bởi những lý do sau:

Một là, theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, nội dung thẩm định dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp bao gồm đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có trong Danh mục các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với khu công nghiệp nằm trong ranh giới khu kinh tế; nhu cầu sử dụng đất; sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; điều kiện về tỷ lệ lấp đầy của các khu công nghiệp...

Hầu hết những nội dung thẩm định này đều thuộc thẩm quyền xem xét của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, quy

¹ Hoạt động đầu tư tại KCN tạo tăng trưởng trong sản xuất công nghiệp, nâng cao giá trị xuất khẩu, tạo việc làm và đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước. Tỷ trọng giá trị xuất khẩu của doanh nghiệp tại KCN, KKT trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước đạt khoảng 6% (năm 1995) lên 19% (năm 2005), 50% (năm 2015) và 57% (năm 2018). Trong giai đoạn 2016-2020, giá trị xuất khẩu trung bình hằng năm của dự án trong KCN, KKT chiếm trên 55% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; KCN, KKT góp phần giải quyết việc làm cho gần 4 triệu lao động trực tiếp (chiếm 7,3% lực lượng lao động của cả nước), chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng năng suất lao động và cải thiện chất lượng nguồn nhân lực; Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn KCN, KKT trong tổng thu NSNN tăng: giai đoạn 1996 - 2000, 4.508 tỷ đồng, chiếm 1,22% tổng thu NSNN; giai đoạn 2011 - 2015, 361.978 tỷ đồng, chiếm 12,7 % tổng thu trong nước (không bao gồm dầu thô). Số doanh nghiệp trong KCN, KKT trong 1000 doanh nghiệp nộp thuế nhiều nhất cả nước chiếm khoảng 20% hàng năm.

² Tính lũy kể đến tháng 6/2021, các KCN, KKT trên cả nước đã thu hút được khoảng 10.148 dự án đầu tư trong nước và 10.921 dự án có vốn đầu tư nước ngoài còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư đăng ký trong ứng khoảng 2,51 triệu tỷ đồng và 229,8 tỷ USD. Trung bình hằng năm, vốn đầu tư nước ngoài trong KCN, KKT chiếm khoảng 35 - 40% tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tăng thêm của cả nước; nếu tính riêng trong lĩnh vực chế biến, chế tạo thì vốn đầu tư nước ngoài trong KCN, KKT chiếm khoảng 75 - 85% tổng vốn đăng ký cả nước.

³ Đến tháng 6/2021, hệ thống khu công nghiệp, khu kinh tế đã được hình thành trên các vùng kinh tế của cả nước, 395 khu công nghiệp đã được thành lập, trong đó 285 KCN đã đi vào hoạt động và tỷ lệ lấp đầy đạt 58,9%.

hoạch, đất đai, lâm nghiệp và pháp luật có liên quan.

Trên thực tế, khi ban hành Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư các khu công nghiệp, Thủ tướng Chính phủ vẫn yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, các điều kiện về môi trường, quy hoạch... và chịu trách nhiệm toàn diện trong việc giám sát, quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn.

Hai là, Luật Quy hoạch đã quy định việc tích hợp định hướng xây dựng khu công nghiệp vào quy hoạch vùng và phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp vào quy hoạch tỉnh. Theo quy định tại Điều 34 Luật Quy hoạch, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Như vậy, định hướng xây dựng và phương án phát triển khu công nghiệp là căn cứ để xem xét việc thành lập khu công nghiệp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

Quy định này tạo cơ chế để bảo đảm định hướng thực thi chính sách phát triển các khu công nghiệp của cơ quan Trung ương.

Ba là, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế đã được xây dựng và hoàn thiện theo hướng quy định cụ thể, minh bạch các tiêu chí, điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghiệp (*bao gồm tiêu chí về quy hoạch; tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp; các điều kiện sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường...*).

Ngoài ra, Luật Đất đai năm 2024 đã phân cấp thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng và chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; sửa đổi quy định về thu hồi đất đối với trường hợp thực hiện dự án khu công nghiệp theo hướng không yêu cầu dự án phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

Do vậy, việc phân quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp là phù hợp, đảm bảo sự đồng bộ về thẩm quyền trong triển khai thực hiện.

Việc đầu tư, thành lập, mở rộng khu công nghiệp sẽ được kiểm soát trên cơ sở phương hướng xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế và phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; và các yêu cầu, điều kiện về thành lập, mở rộng khu công nghiệp (*bao gồm tiêu chí về tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp; các điều kiện sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường...*) theo Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.

- Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng mới: *bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt*

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với: *“Dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng*

có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I". Theo đó, mọi dự án đầu tư xây dựng mới: **bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt**, không phân biệt quy mô vốn đầu tư đều phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 75 Bộ luật hàng hải, "*Cảng biển đặc biệt là cảng biển có quy mô lớn phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của cả nước hoặc liên vùng và có chức năng trung chuyển quốc tế hoặc cửa ngõ quốc tế*".

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ, hiện cả nước có 02 cảng biển đặc biệt là cảng biển Hải Phòng và cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong đó, Cảng biển Hải Phòng hiện có khoảng 46 bến cảng, 82 cầu cảng; quy hoạch đến 2030 sẽ phát triển lên thành 69-73 bến cảng. Cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu có khoảng 55 bến cảng; quy hoạch đến 2030 sẽ phát triển lên thành 69-70 bến. Trong đó, một số bến có chức năng là cảng cửa ngõ kết hợp trung chuyển quốc tế là khu bến Lạch Huyện, khu bến Nam Đồ Sơn, Văn Úc, khu bến Cái Mép⁴. Các bến cảng này là khâu quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu, nâng cao vị thế đối ngoại, nâng cao sức cạnh tranh quốc gia và có tính chất, ý nghĩa quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế biển, do đó, việc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư các bến này là phù hợp.

Tuy nhiên, trong 02 cảng biển đặc biệt nêu trên cũng có nhiều bến cảng quy mô nhỏ, không có chức năng trung chuyển quốc tế hoặc cửa ngõ quốc tế (*như khu bến Sông Cấm - Phà Rừng, khu bến Đình Vũ thuộc cảng biển Hải Phòng; khu bến Thị Vải, khu bến Sao Mai - Bến Đình, khu bến Sông Dinh, khu bến Long Sơn thuộc cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu...*).

Hiện nay việc đầu tư, xây dựng cảng biển có thể được kiểm soát trên cơ sở phương án phát triển các cảng biển tại quy hoạch tỉnh, quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển và quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển và các yêu cầu, điều kiện về đầu tư xây dựng cảng biển (*bao gồm tiêu chí về quy hoạch; các điều kiện sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường...*) theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

Mặt khác, điểm d khoản 1 Điều 31 và điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư đã phân quyền chấp thuận chủ trương đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự

⁴ Nhu cầu vốn đầu tư các bến này giai đoạn đến 2030 dự kiến như sau: khu bến Lạch Huyện 15.000 tỷ, khu bến Nam Đồ Sơn (giai đoạn khởi động) 15.000 tỷ, Khu bến cảng và Logistics Cái Mép Hạ 23.000 tỷ. Các bến cảng này là những cảng lớn kết nối các tuyến vận tải liên châu lục, và thường cũng là cửa ngõ ra vào các khu vực kinh tế rộng lớn thông qua việc kết nối các tuyến vận tải đường dài bằng tàu mẹ (mother ships) cùng với các tuyến ngắn hơn bằng tàu con (feeder ship).

án đầu tư xây dựng bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển loại I có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng (mức vốn dự án nhóm A theo Luật Đầu tư công⁵).

Do vậy, tương tự các dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất nêu trên, việc xem xét phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng mới bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng là phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi, chủ động cho các địa phương, hạn chế số lượng các dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ.

- Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc phạm vi bảo vệ của di tích

Trong quá trình rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các địa phương⁶ đã báo cáo một số khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc phạm vi khu vực bảo vệ II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, đối với các dự án xây dựng công trình, cơ sở lưu trú có quy mô nhỏ thuộc khu vực bảo vệ II của di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới (như Đô thị cổ Hội An, di tích Cố đô Huế, Vịnh Hạ Long – quần đảo Cát Bà...) phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư, làm tăng thủ tục hành chính đối với nhà đầu tư. Trên cơ sở đó, các địa phương đề nghị phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi **khu vực bảo vệ II** của di tích.⁷

Thực hiện chủ trương hoàn thiện, cải cách thể chế theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, ý kiến chỉ đạo về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước trong các lĩnh vực của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, việc phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư thuộc phạm vi bảo vệ I, II của di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt có thể được xem xét theo những căn cứ sau:

Thứ nhất, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật. Hiện nay, dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) đã mở rộng đối tượng công trình được triển khai thực hiện trong khu vực bảo vệ di tích, cụ thể là: (i) đối với khu vực bảo vệ I của di tích: được sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình trực tiếp phục vụ bảo vệ và

⁵ Điểm a khoản 2 Điều 8 Luật Đầu tư công quy định Dự án có tổng mức đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc lĩnh vực giao thông, bao gồm cầu, cảng biển, cảng sông, sân bay, đường sắt, đường quốc lộ là dự án nhóm A.

⁶ Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, Quảng Ninh, Thừa thiên Huế...

⁷ Báo cáo số 332/BC-BTP ngày 13/8/2024 của Bộ Tư pháp về rà soát vướng mắc hệ thống VBQPPL

phát huy giá trị di tích; (ii) đối với khu vực bảo vệ II của di tích: được sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình trực tiếp phục vụ bảo vệ và phát huy giá trị di tích; công trình kinh tế - xã hội.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Di sản văn hóa, việc xây dựng công trình bảo vệ và phát huy giá trị di tích ở khu vực bảo vệ II đối với di tích cấp tỉnh phải được sự đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đối với di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Dự thảo Điều 29 Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) quy định về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư, xây dựng công trình chỉ được thực hiện sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ đối với khu vực bảo vệ I của di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới; của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với khu vực bảo vệ II của di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh. Do đó, việc phát triển dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích vẫn có thể được kiểm soát trên cơ sở thực thi hiệu quả cơ chế đồng thuận bằng văn bản của các cơ quan nêu trên.

Thứ hai, tăng cường hiệu quả và tính kịp thời trong quá trình phê duyệt dự án; giảm thiểu thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian chờ đợi phê duyệt dự án; tạo chủ động, linh hoạt cho địa phương trong việc xem xét và giải quyết các vấn đề liên quan đến chủ trương đầu tư.

Theo số liệu thống kê của ngành văn hóa, Việt Nam hiện có hơn 41.000 di tích, danh lam thắng cảnh, trong đó cấp có thẩm quyền đã xếp hạng hơn 11.000 di tích cấp tỉnh; 3.630 di tích cấp quốc gia; 133 di tích quốc gia đặc biệt, trong đó có 8 di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới (*Quần thể di tích Cố đô Huế; Khu phố cổ Hội An; Khu đền tháp Mỹ Sơn; Khu Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long – Hà Nội; Thành Nhà Hồ; Vịnh Hạ Long – Quần đảo Cát Bà; Vườn Phong Nha – Kẻ Bàng; Quần thể danh thắng Tràng An*).

Trong đó, nhiều di tích, danh lam thắng cảnh được xếp hạng quốc gia, quốc gia đặc biệt có **diện tích khu vực khoanh vùng bảo vệ I và khu vực khoanh vùng bảo vệ II rộng** (như *Danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Hồ Ba Bể, Vườn Quốc gia Cát Tiên, Khu di sản thiên nhiên Na Hang – Lâm Bình; Di tích quốc gia đặc biệt Quần thể Hương Sơn, Khu di tích Đền Hùng; Di tích quốc gia Làng cổ Đường Lâm, Làng cổ Phước Tích, Làng cổ Đông Hòa Hiệp*)...

Như vậy, với số lượng các di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới như trên, hồ sơ dự án đề nghị trình Thủ tướng Chính phủ sẽ tăng lên, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết thủ tục hành chính, làm chậm tiến độ thực hiện dự án, đưa nguồn lực vào phát triển kinh tế xã hội, đồng thời không tạo sự chủ động cho các địa phương...

Thứ ba, đảm bảo sự phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh trong bối cảnh hiện nay đã gần như hoàn thiện trên cả nước. Các dự án đầu tư được thẩm định sẽ phải phù hợp với quy hoạch, không xâm phạm hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến di sản văn hóa, trong khi vẫn hỗ trợ mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

Theo quy định tại Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020, Luật Đất đai năm 2024, hầu hết những nội dung thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư (bao gồm điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội...) đều thuộc thẩm quyền xem xét của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Ngoài ra, điểm g khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư đã quy định về nội dung thẩm định chủ trương đầu tư bao gồm “*đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với yêu cầu bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hóa và các điều kiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa*”. Các nội dung này thuộc trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan quản lý văn hóa, thể thao và du lịch tại địa phương.

Thứ tư, đảm bảo sự phù hợp với đặc trưng, tính chất của di sản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Di sản văn hóa, khu vực bảo vệ I và Khu vực bảo vệ II có nội hàm, tính chất và yêu cầu bảo vệ, tôn tạo khác nhau; di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt và di sản thế giới là các di tích được xếp hạng, quản lý, công nhận với giá trị tiêu biểu khác nhau.

Do vậy, đang có sự thiếu hợp lý trong quy định của Luật Đầu tư về việc trình Thủ tướng Chính phủ đối với: (i) các dự án thuộc *Danh mục di sản thế giới* mà không phân biệt khu vực bảo vệ I, khu vực bảo vệ II; (ii) các dự án đầu tư tại khu vực bảo vệ I mà không phân biệt di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt và di sản thế giới.

2.2.2. Về việc đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị khi thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương bao gồm đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị... Tuy vậy, quy định này chưa xác định được cụ thể cấp độ quy hoạch đô thị, bao gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu hay quy hoạch chi tiết làm cơ sở để thẩm định, đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, **đồ án quy hoạch phân khu** đã được phê duyệt là cơ sở để **xác định các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị và lập quy hoạch chi tiết**. Như vậy, các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị sẽ được xác định trên cơ sở đồ án quy hoạch phân khu.

Theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, đô thị loại V tương đương với thị trấn không phải lập quy hoạch phân khu (vì quy hoạch chung thị

trần được lập trên tỷ lệ 1/5000 tương đương với quy hoạch phân khu). Theo dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn thì các đô thị loại III, IV, V không phải lập quy hoạch phân khu (quy hoạch phân khu sẽ được tích hợp vào quy hoạch chung). Do vậy, đối với trường hợp này, chỉ cần đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch chung.

Thực tiễn áp dụng quy định về thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư cho thấy, yêu cầu đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chi tiết tại giai đoạn chấp thuận chủ trương đầu tư là chưa thực sự phù hợp, bởi lẽ ở giai đoạn này cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ xem xét chấp thuận về mục tiêu, địa điểm, quy mô, tiến độ, thời hạn thực hiện dự án để thực hiện dự án đầu tư... Do vậy, để tạo cơ sở pháp lý thực hiện thống nhất, thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư dự án, đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn nội dung này theo hướng đối với quy hoạch đô thị, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu; trường hợp dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch phân khu phải điều chỉnh và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung.

2.2.3. Về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư

- Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu có nhiều yếu tố bất ổn và thách thức, các quốc gia đang cạnh tranh gay gắt để ổn định, khuyến khích và thu hút đầu tư, tập trung mạnh vào lĩnh vực công nghệ cao, trong đó chú trọng các lĩnh vực đang là xu hướng của thế giới như chip, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo. Nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Ấn Độ, Trung Quốc, các quốc gia Châu Âu, nhiều nước trong khu vực Asean như Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan đều ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư đa dạng và hấp dẫn, áp dụng song song chính sách ưu đãi dựa trên thu nhập (miễn, giảm thuế) và ưu đãi dựa trên chi phí với các gói hỗ trợ lên đến nhiều tỷ USD. Nhờ sự phản ứng nhanh trong việc đổi mới chính sách, các quốc gia này, đặc biệt là các nước gia trong khu vực Đông Nam Á đã thu hút được các dự án quy mô rất lớn trong lĩnh vực công nghệ cao.

Tại Việt Nam, mặc dù thu hút đầu tư nước ngoài vẫn tăng trưởng qua các năm gần đây nhưng số lượng dự án quy mô vốn đầu tư lớn với hàm lượng công nghệ cao còn khiêm tốn. Trong khi đó, việc áp dụng thuế thu nhập tối thiểu toàn cầu đã làm suy giảm mạnh sức hấp dẫn trong thu hút dự án quy mô lớn, có sức lan tỏa. Một số doanh nghiệp đã thông báo chính thức tạm chưa triển khai hoặc sẽ cân nhắc kế hoạch đầu tư mới, mở rộng tại Việt Nam. Một số tập đoàn lớn đã đến khảo sát, nghiên cứu đầu tư, nhưng chưa lựa chọn Việt Nam hoặc chờ đợi để theo dõi phản ứng chính sách của Chính phủ.

- Thực hiện nhiệm vụ được Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tổng kết việc

thi hành pháp luật về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư (xin trình kèm theo dự thảo Báo cáo tổng kết). Kết quả cho thấy:

+ Việc khuyến khích, thu hút đầu tư của Việt Nam hiện nay dựa trên chính sách ưu đãi đầu tư (miễn, giảm thuế, nghĩa vụ tài chính cho nhà đầu tư) và chính sách hỗ trợ đầu tư (nhà nước bỏ chi phí để bù đắp chi phí cho nhà đầu tư trong một số hoạt động như phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực... được quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư). Các chính sách này được áp dụng trên cơ sở tiêu chí ngành, nghề (lĩnh vực) và địa bàn khuyến khích đầu tư theo quy định tại Chương III Luật Đầu tư và Chương III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai. Các hỗ trợ đầu tư thực hiện theo từng quy định riêng của Chính phủ trên cơ sở định hướng, khả năng bố trí nguồn lực trong từng giai đoạn, thời kỳ.

+ Về cơ bản, chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư của Việt Nam có tính cạnh tranh trong khu vực. Nhờ đó, cùng với các lợi thế so sánh như: kinh tế chính trị ổn định; tăng trưởng kinh tế cao và ổn định; vị trí địa lý chiến lược; hội nhập quốc tế sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và khu vực; Chính phủ “hành động, thân thiện, đồng hành, chia sẻ” với cộng đồng doanh nghiệp; chi phí sản xuất cạnh tranh; nguồn lao động dồi dào, thị trường tiềm năng..., Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu lớn trong việc thu hút ĐTNN, với việc dòng vốn ĐTNN liên tục tăng qua các năm.

Tuy nhiên, chính sách này còn dàn trải, thiếu đa dạng, chưa bắt kịp với các chính sách tiên tiến, thông lệ quốc tế và đặc biệt là không còn tác dụng trong thu hút dự án lớn, tập đoàn đa quốc gia trong bối cảnh áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu.

Với mục tiêu thu hút vốn ĐTNN (giai đoạn 2021-2025 khoảng 150 - 200 tỉ USD, 30 - 40 tỉ USD/năm; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 200 - 300 tỉ USD, 40 - 50 tỉ USD/năm) và trong bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng Việt Nam cần sớm ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư mới hướng đến các dự án quy mô lớn, có sức lan toả trong lĩnh vực công nghệ cao thông qua Quỹ hỗ trợ đầu tư để tạo đột phá, có chọn lọc trong thu hút đầu tư, đảm bảo vị thế cạnh tranh; giữ chân và thu hút các Tập đoàn với chuỗi cung ứng và mạng lưới doanh nghiệp vệ tinh lớn, có ảnh hưởng và tác động lan toả lớn đến sự phát triển kinh tế-xã hội. Chính sách này cần đủ mạnh để thay thế các chính sách thu hút đầu tư bị mất hiệu lực do áp dụng thuế thu nhập tối thiểu toàn cầu; đồng thời bảo đảm yêu cầu không nhằm bù đắp cho các nhà đầu tư thuộc phạm vi áp dụng của thuế tối thiểu toàn cầu và thể hiện tinh thần “thiện chí đồng hành” của Chính phủ Việt Nam đối với nhà đầu tư trong bối cảnh tình hình quốc tế thay đổi.

Hiện nay, Chính phủ đang hoàn thiện dự thảo Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư để trình xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18 Luật Đầu tư về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư để tạo cơ sở pháp lý cho việc ban hành Nghị định này.

2.2.4. Về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư

Điều 48 Luật Đầu tư đã quy định về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, trong đó bao gồm việc chấm dứt hoạt động liên quan đến tiến độ thực hiện. Tuy vậy, yêu cầu/điều kiện chấm dứt hoạt động chưa được quy định rõ ràng, đầy đủ hoặc chưa thực sự phù hợp trong một số trường hợp, cụ thể là:

Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 48, cơ quan đăng ký đầu tư chấm dứt hoạt động trong trường hợp dự án bị thu hồi đất do **không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng** theo quy định của pháp luật về đất đai.

Quy định này liên quan đến các dự án đã được giao đất, cho thuê đất, nhưng không áp dụng để chấm dứt hoạt động đối với các dự án chậm tiến độ nhiều năm do nhà đầu tư chưa triển khai thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất hoặc không phối hợp trong việc thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng để hoàn thành thủ tục đất đai, dẫn đến tình trạng “dự án treo”, dự án chậm tiến độ nhiều năm so với tiến độ tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...

Bên cạnh đó, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 và khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư thì cơ quan đăng ký đầu tư chấm dứt hoạt động trong trường hợp nhà đầu tư **không thực hiện đúng nội dung** chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm mà không có khả năng khắc phục điều kiện ngừng hoạt động.

Theo quy định này, trường hợp nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không được thực hiện đúng là **tiến độ thực hiện** dự án đầu tư thì điều kiện để chấm dứt hoạt động là đã bị cơ quan nhà nước quyết định **ngừng hoạt động** mà không có khả năng khắc phục.

Tuy vậy, yêu cầu về việc ngừng hoạt động trong trường hợp này không thực sự phù hợp vì sẽ làm chậm thêm tiến độ thực hiện dự án, không giải quyết được mục tiêu/điều kiện cần khắc phục trong trường hợp dự án đã bị chậm tiến độ, dẫn đến vướng mắc khi xem xét việc khắc phục điều kiện ngừng hoạt động để chấm dứt hoạt động đối với dự án đầu tư, bởi lẽ việc khắc phục hậu quả như buộc tiếp tục thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là không khả thi sau khi bị ngừng hoạt động...

Vướng mắc nêu trên đã được nhiều địa phương⁸ phản ánh trong quá trình rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 và trong khuôn khổ Tổ công tác đặc biệt về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với dự án đầu tư theo Quyết định số 1242/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Do vậy, việc sửa đổi quy định về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư tại Điều

⁸ Cao Bằng, Bắc Giang, Hưng Yên, Ninh Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Thuận, Trà Vinh...

47 và Điều 48 Luật Đầu tư là cần thiết nhằm góp phần giải quyết tình trạng nhiều dự án không triển khai thực hiện trong nhiều năm, giải phóng nguồn lực đất đai để phát triển kinh tế - xã hội...

2.2.5. Về việc thực hiện thủ tục đầu tư đặc biệt

Tuy đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần quan trọng vào quá trình cải thiện, tăng cường khả năng cạnh tranh của môi trường đầu tư kinh doanh, khai thông, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển nhưng thủ tục về đầu tư nhìn chung vẫn còn hạn chế. Thủ tục đầu tư không chỉ được quy định trong Luật Đầu tư mà còn được quy định trong nhiều luật khác nhau như đất đai, xây dựng, môi trường, chuyển giao công nghệ, phòng cháy chữa cháy... Việc thực hiện thủ tục về đầu tư kéo dài qua nhiều bước, nhiều khâu liên quan đến quy định của pháp luật trong nhiều lĩnh vực khác nhau chưa đáp ứng được yêu cầu mới đặt ra trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt trong việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghiệp bán dẫn, công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo,... Ở một số quốc gia, ngoài việc hoàn thiện các chính sách ưu đãi đầu tư, việc nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược trên cơ sở áp dụng các thủ tục hành chính đặc biệt đã và đang được thực hiện ở các mức độ khác nhau ...

Tại Việt Nam, việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược trong một số lĩnh vực như xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, năng lượng sạch... đã được áp dụng trong các Nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù tại một số địa phương như TP. Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Đà Nẵng, ... Tuy nhiên, các dự án nói trên vẫn thực hiện theo các thủ tục đầu tư thông thường theo quy định của pháp luật về đầu tư, đấu thầu, đất đai, xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy...

Trên thực tế, nhiều nhà đầu tư chiến lược trong các lĩnh vực công nghệ cao đang đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư và xúc tiến các dự án đầu tư có quy mô lớn tại Việt Nam. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt như hiện nay, việc áp dụng thủ tục đầu tư hiện hành đối với các trường hợp này có thể làm mất đi cơ hội trong việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào các lĩnh vực cần ưu tiên thu hút đầu tư.

Theo đó, thời gian thực hiện các thủ tục về đất đai, xây dựng, môi trường, chuyển giao công nghệ, phòng cháy chữa cháy thường mất nhiều thời gian. Mỗi thủ tục lại có yêu cầu riêng về hồ sơ, trình tự và thời gian, một số thủ tục lại quy định nhiều bước thực hiện (thủ tục xây dựng), một số thủ tục phải thực hiện tuần tự, kết quả của thủ này là đầu vào của thủ tục khác. Tính trung bình, thời gian để thực hiện đầy đủ các thủ tục nêu trên kéo dài từ khoảng 250 ngày đến 350 ngày. Trên thực tế, thời gian thực hiện thủ tục có thể kéo dài hơn do độ trễ vì phải hoàn

thiện các hồ sơ và tài liệu có liên quan.

Do vậy, cần xây dựng, bổ sung quy định về quy trình, thủ tục đầu tư đặc biệt nhằm rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục đối với các dự án này nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao..., các lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư, nhất là các nhà đầu tư chiến lược là cần thiết và cấp bách.

Đề xuất nêu trên không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau: Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 54, 55, 56, 58, 59 Luật Xây dựng năm 2014, Điều 89 Luật Xây dựng, Điều 91 Luật Xây dựng, Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; Điều 32 Luật Di sản văn hóa về các khu vực bảo vệ di tích, yêu cầu đối với việc xây dựng các công trình tại khu vực bảo vệ I và II; Công ước UNESCO 1972 quy định về Bảo vệ Di sản văn hóa và Thiên nhiên Thế giới (Công ước UNESCO 1972); điểm e khoản 3 Điều 9, khoản 6 Điều 60, Điều 79, Điều 144, điểm d khoản 2 Điều 151, khoản 3 Điều 190, Điều 211, điểm a khoản 4 Điều 216 Luật Đất đai; khoản 3 Điều 5, Điều 6, Điều 20, Điều 21, Điều 27, Điều 28, Điều 31, Điều 32, Điều 66, Điều 65, Điều 114, Điều 118 Luật Bảo vệ môi trường; khoản 1 Điều 10, Điểm b, d khoản 1 Điều 14, Khoản 3 Điều 91 Luật Xây dựng (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

2.3. Về nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư

2.3.1. Về lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật PPP, dự án đầu tư theo phương thức PPP được thực hiện trong 05 lĩnh vực giao thông vận tải; lưới điện, nhà máy điện; thủy lợi, cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải; y tế, giáo dục - đào tạo và hạ tầng công nghệ thông tin.

Tuy nhiên, đến nay, dự án PPP chỉ tập trung vào 03 lĩnh vực, gồm: giao thông vận tải (22 dự án đường bộ cao tốc, 03 dự án cảng hàng không, chiếm khoảng 80 % tổng số dự án PPP mới), xử lý rác thải (03 dự án, chiếm khoảng 10%) và cung cấp nước sạch (03 dự án, chiếm khoảng 10%). Trong lĩnh vực y tế, có 02 dự án bắt đầu được UBND Thành phố Đà Nẵng và UBND tỉnh Yên Bái nghiên cứu đề xuất triển khai theo phương thức PPP.

Bên cạnh đó, một số Bộ, ngành, địa phương có tiềm năng và điều kiện thu hút đầu tư theo phương thức PPP trong một số lĩnh vực khác, nhưng lại chưa được quy định tại Luật PPP. Trên thực tế, một số địa phương đã được áp dụng phương thức PPP đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao, đầu tư xây dựng chợ... theo các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm áp dụng cơ chế đặc thù phát triển của

địa phương (như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng).

Nhằm đa dạng hoá các lĩnh vực có tiềm năng và đáp ứng nhu cầu, điều kiện thu hút đầu tư theo phương thức PPP của một số ngành, địa phương, cần xem xét sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật PPP về lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP theo hướng không hạn chế các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP. Theo đó, trừ các dự án thuộc trường hợp Nhà nước độc quyền theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực hoặc dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội, dự án PPP được khuyến khích thực hiện đối với tất cả các dự án đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

Đề xuất nêu trên không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau: Luật Thủ đô (khoản 1 Điều 39), Nghị quyết số 98/2023/QH15 (điểm a khoản 5 Điều 4), Nghị quyết số 136/2024/QH15 (điểm a khoản 2 Điều 9), Nghị quyết số 137/2024/QH15 ngày 26/6/2024 (điểm a khoản 3 Điều 4), Luật Tài nguyên nước (khoản 4 Điều 84).

2.3.2. Về quy mô vốn đầu tư tối thiểu để thực hiện dự án PPP

Theo quy định tại Điều 4 Luật PPP, quy mô vốn đầu tư tối thiểu để thực hiện dự án trong lĩnh vực giao thông vận tải; lưới điện, nhà máy điện; thủy lợi; cung cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải; hạ tầng công nghệ thông tin là 200 tỷ đồng. Riêng dự án trong lĩnh vực y tế, giáo dục-đào tạo và dự án thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn thì tổng mức đầu tư tối thiểu là 100 tỷ đồng.

Thực tiễn thu hút đầu tư của một số Bộ, ngành, địa phương cho thấy, hạn mức vốn này là khá cao đối với lĩnh vực y tế, giáo dục, chưa tạo cơ chế mở, thông thoáng để huy động tối đa nguồn lực từ khu vực tư nhân phù hợp với điều kiện của từng ngành, địa phương, nhất là đối với các dự án có quy mô nhỏ, nhưng địa phương có nhu cầu đầu tư và thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư do có khả năng kinh doanh.

Để phù hợp với điều kiện đặc thù của việc thực hiện dự án PPP trong từng lĩnh vực cụ thể, cần xem xét sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật PPP theo hướng bãi bỏ hạn mức quy mô tối thiểu đối với các dự án PPP.

Bổ sung quy định tại Điều 11 quy trình, thủ tục thực hiện dự án PPP quy mô nhỏ và không sử dụng vốn Nhà nước.

Đề xuất nêu trên không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau: Luật Thủ đô (khoản 1 Điều 39), Nghị quyết số 98/2023/QH15 (điểm b khoản 5 Điều 4), Nghị quyết số 136/2024/QH15 (điểm

b khoản 2 Điều 9), Nghị quyết số 137/2024/QH15 (điểm b khoản 3 Điều 4).

2.3.3. Về loại hợp đồng BT

Kể từ năm 2021, hợp đồng BT không áp dụng đối với dự án đầu tư mới.

Việc dừng thực hiện dự án BT theo Luật PPP xuất phát từ những bất cập của việc thực hiện loại hợp đồng này, như: một số dự án không có mục tiêu đầu tư phù hợp, không cần thiết; giá trị công trình BT được xác định không chính xác, đa số dự án có suất đầu tư cao hơn so với dự án sử dụng vốn đầu tư công; việc lựa chọn nhà đầu tư chủ yếu được thực hiện thông qua hình thức chỉ định thầu không cạnh tranh; công tác giám sát bị xem nhẹ dẫn đến chất lượng công trình không bảo đảm...

Mặc dù còn tồn tại một số bất cập nhưng theo đánh giá của nhiều Bộ, ngành, địa phương, các dự án BT được thực hiện trong thời gian trước khi Luật PPP có hiệu lực thi hành vẫn có một số đóng góp nhất định trong việc hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng tại các địa phương, huy động được nguồn lực của khu vực tư nhân, giúp giảm áp lực về vốn đầu tư công. Bên cạnh đó, các dự án đối ứng được thanh toán đầu tư cũng góp phần đáng kể cho việc cải thiện cơ sở hạ tầng về nhà ở, dịch vụ, hình thành các đô thị mới, khu dân cư mới...

Do vậy, nếu mô hình này được nghiên cứu kỹ lưỡng để đổi mới toàn diện, khắc phục tối đa những bất cập của giai đoạn trước thì vẫn có thể phát huy được hiệu quả. Hiện nay, Quốc hội đã cho phép 03 địa phương được thí điểm triển khai loại hợp đồng BT, gồm: Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hà Nội và Nghệ An. Tuy nhiên, cách thức áp dụng còn chưa thống nhất, tùy thuộc vào điều kiện đặc thù của từng địa phương, cụ thể là:

- Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (sử dụng ngân sách Thành phố).
- Nghệ An được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (sử dụng ngân sách nhà nước hoặc tiền thu từ đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất).
- Thành phố Hà Nội được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (ngân sách thành phố) hoặc thanh toán bằng quỹ đất.

Trong bối cảnh việc huy động nguồn vốn đầu tư từ ngân sách ngày càng khó khăn và nhu cầu đầu tư cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng tăng mạnh, căn cứ quá trình thực hiện cơ chế này trong từng thời kỳ, cần xem xét tiếp tục áp dụng loại hợp đồng BT theo hướng đổi mới, hoàn thiện cơ chế thực hiện loại hợp đồng này.

(i) Hợp đồng BT thanh toán cho nhà đầu tư bằng ngân sách nhà nước được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để có cơ sở thanh toán hoặc được chi trả trực tiếp cho nhà đầu tư dự án BT từ nguồn tiền thu được từ đấu giá tài sản công.

Trường hợp thanh toán bằng nguồn thu từ tiền đầu giá tài sản công, cần xem xét, sửa đổi bổ sung Luật Ngân sách nhà nước để cho phép áp dụng cơ chế tiền thu được từ bán đầu giá được chi trả trực tiếp cho nhà đầu tư dự án BT mà không phải nộp về ngân sách nhà nước và giao Bộ Tài chính quy định chi tiết việc ghi thu, ghi chi trong trường hợp này.

(ii) Hợp đồng BT thanh toán cho nhà đầu tư bằng quỹ đất. Cơ quan có thẩm quyền xác định cụ thể công trình BT và quỹ đất dự kiến thanh toán (về diện tích, về giá trị) tại các thời điểm lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, hồ sơ mời thầu và ký kết hợp đồng. Quỹ đất được sử dụng phải thuộc diện thu hồi đất theo Điều 79 Luật Đất đai năm 2024 hoặc do Nhà nước quản lý theo Điều 217 Luật Đất đai năm 2024.

Để có cơ sở pháp lý sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý theo quy định tại Điều 217 Luật Đất đai năm 2024 để thanh toán cho nhà đầu tư, cần sửa đổi Luật Đất đai để bổ sung trường hợp này.

2.3.4. Về việc áp dụng hợp đồng BOT đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình hiện hữu

Theo Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các dự án đường bộ đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT chỉ áp dụng đối với các tuyến đường mới để bảo đảm quyền lựa chọn cho người dân, không đầu tư các dự án cải tạo, nâng cấp các tuyến đường độc đạo hiện hữu.

Trên cơ sở đó, Luật PPP (khoản 4 Điều 45) quy định không áp dụng loại hợp đồng thu phí trực tiếp từ người sử dụng (hợp đồng BOT) đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa, vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hiện hữu.

Thực tiễn triển khai ở một số địa phương cho thấy, nhiều tuyến đường giao thông trục chính, cửa ngõ, kết nối vùng... cần mở rộng để đáp ứng nhu cầu lưu thông, giảm ùn tắc, tai nạn giao thông, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương cũng như các tỉnh lân cận. Tuy nhiên, ngân sách địa phương không đảm bảo được nhu cầu huy động đầu tư mở rộng các tuyến đường này.

Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Tp. Hồ Chí Minh đã cho phép Thành phố áp dụng loại hợp đồng BOT đối với dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa công trình đường bộ hiện hữu, phù hợp theo quy hoạch được phê duyệt đối với loại đường phố chính đô thị, đường trên cao.

Chính sách này cũng được quy định tại Luật Đường bộ năm 2024, trong đó cho phép áp dụng loại hợp đồng BOT đối với các dự án đường bộ cao tốc hiện hữu hoặc đường bộ đang khai thác được cải tạo, nâng cấp thành đường cao tốc nhưng phải bảo đảm quyền lựa chọn của người sử dụng.

Nhằm xử lý vướng mắc trong thực tiễn triển khai cũng như thể chế hoá các

quy định tại pháp luật có liên quan như Luật Đường bộ, Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023, cần xem xét sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 45 Luật PPP theo hướng cho phép áp dụng loại hợp đồng BOT thu phí trực tiếp từ người sử dụng đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình sẵn có, trừ công trình đường bộ mà công trình này là lựa chọn duy nhất của cộng đồng dân cư, cá nhân sinh sống, sản xuất, kinh doanh tại khu vực thực hiện công trình.

Các dự án này phải được đánh giá tác động, lấy ý kiến rộng rãi đối tượng bị tác động bởi dự án thông qua Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh nơi thực hiện dự án, hiệp hội nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực đầu tư trước khi phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư. Do vậy, đề xuất nêu trên không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2.3.5. Về tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP

Theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật PPP, tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP được quy định ở mức không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án. Nguồn vốn này được sử dụng để hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án PPP và chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công hình tạm không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án.

Hiện nay, một số dự án đang được Bộ Giao thông vận tải và các địa phương khẩn trương chuẩn bị đầu tư theo chỉ đạo của Chính phủ nhằm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho một số vùng, miền còn khó khăn. Các dự án này có nhu cầu vận tải giai đoạn đầu chưa cao nên cần có sự tham gia vốn nhà nước nhiều hơn để đảm bảo tính khả thi khi thu hút đầu tư theo phương thức PPP. Trong khi đó, một số dự án chỉ tính riêng chi phí giải phóng mặt bằng, tái định cư đã vượt quá 50% tổng mức đầu tư của dự án.

Để tháo gỡ vướng mắc cho một số địa phương, Quốc hội đã cho phép áp dụng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án đầu tư theo phương thức PPP được vượt quá 50% tổng mức đầu tư tại Luật Thủ đô và một số Nghị quyết thí điểm cơ chế đặc thù (Thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ An, Thái Bình, Cao Bằng).

Trên cơ sở đó, cần xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 69 Luật PPP quy định về tỷ lệ vốn tối đa của Nhà nước tham gia dự án PPP theo hướng cho phép Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định áp dụng tỷ lệ vốn Nhà nước tham gia trong dự án PPP cao hơn 50% nhưng không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án thuộc một trong các trường hợp cụ thể.

Đề xuất nêu trên không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể: Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ (Điều 2), Luật Đường

bộ (điểm c khoản 3 Điều 84).

2.3.6. Về nguồn vốn thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

Theo quy định tại Điều 52 Luật PPP, kinh phí mua lại doanh nghiệp dự án PPP hoặc bồi thường chấm dứt hợp đồng được bố trí từ nguồn vốn nhà nước trong 02 trường hợp chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước thời hạn, gồm: (i) vì lợi ích quốc gia, bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước hoặc (ii) do cơ quan ký kết hợp đồng vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

Quy định nêu trên còn thiếu rõ ràng trong việc xác định rõ nguồn vốn nhà nước cụ thể được bố trí để mua lại doanh nghiệp dự án PPP hoặc bồi thường chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, dẫn tới không có trình tự, thủ tục để cân đối, bố trí vốn nhà nước thanh toán trong các trường hợp này. Mặt khác, thực tiễn phát sinh trong thời gian vừa qua có một số trường hợp cần phải chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do hoàn cảnh thay đổi cơ bản và cũng cần Nhà nước chi trả một phần chi phí với nhà đầu tư để bảo đảm hài hòa lợi ích của các bên. Tuy nhiên, quy định tại Luật PPP hiện không cho phép bố trí vốn nhà nước để chi trả trong trường hợp này.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định để bổ sung mục đích chi trả chi phí trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn từ vốn nhà nước trong dự án PPP, đồng thời làm rõ trình tự, thủ tục sử dụng vốn đầu tư công để thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn không phải do lỗi của nhà đầu tư.

Nội dung này được sửa đổi nhằm bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định tại dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi). Theo đó, đối tượng đầu tư công gồm đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về PPP, trong đó có bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước hạn dự án PPP được cấp có thẩm quyền quyết định. Do vậy, đề xuất nêu trên không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể là Luật Đầu tư công.

2.3.7. Về nguồn vốn thanh toán trong trường hợp chia sẻ giảm doanh thu

Theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật PPP, chi phí xử lý cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu được sử dụng từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương đối với dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác quyết định chủ trương đầu tư hoặc dự phòng ngân sách địa phương đối với dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

Tuy nhiên, nguồn dự phòng ngân sách nhà nước phụ thuộc vào nguồn thu ngân sách hằng năm nên cần bổ sung các nguồn vốn khác để xử lý rủi ro giảm

doanh thu của các dự án PPP trong trường hợp không bố trí được nguồn dự phòng ngân sách nhà nước. Do vậy, cần xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 82 Luật PPP theo hướng quy định bổ sung nguồn vốn khác để xử lý rủi ro giảm doanh thu của các dự án PPP.

Hiện nay, Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước cũng đang được đồng thời sửa đổi. Do vậy, đề xuất nêu trên được xây dựng theo hướng đảm bảo đồng bộ, không mâu thuẫn, chòng chẹo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2.3.8. Về việc thực hiện đối với dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền

Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật PPP, trong trường hợp dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền thì Thủ tướng Chính phủ quyết định giao cho một cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12 Luật PPP quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; tuy nhiên chưa xác định rõ thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với những dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền.

Hiện nay, dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi) dự kiến sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công. Do vậy, để đồng bộ hoá quy định tại Luật PPP với pháp luật về đầu tư công, cần sửa đổi quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP để bảo đảm đồng bộ với pháp luật về đầu tư công; đồng thời bổ sung quy định về việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của địa phương được Thủ tướng Chính phủ giao làm cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP trên phạm vi từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên nhằm nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của địa phương.

Đề xuất nêu trên được xây dựng theo hướng đảm bảo đồng bộ, không mâu thuẫn, chòng chẹo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể là Luật Đầu tư công.

2.3.9. Về thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Luật PPP, Hội đồng thẩm định liên ngành được thành lập để thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

Thực tế cho thấy, việc Hội đồng thẩm định liên ngành tiếp tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, sau khi đã thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã làm giảm tính chủ động của các địa phương (là cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của

Thủ tướng Chính phủ); đồng thời tạo gánh nặng cho Hội đồng thẩm định liên ngành.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 Luật PPP theo hướng quy định Hội đồng thẩm định liên ngành chỉ thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư và giao Hội đồng thẩm định cấp cơ sở thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

Đề xuất nêu trên được xây dựng theo hướng đảm bảo đồng bộ, không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2.3.10. Về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP

Điều 12 Luật PPP quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP theo hướng đồng bộ, thống nhất với quy định tại pháp luật về đầu tư công. Hiện nay, Luật Đầu tư công đang được sửa đổi, bổ sung theo tinh thần phân cấp triệt để cho địa phương (ví dụ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà được Thủ tướng Chính phủ giao làm cơ quan có thẩm quyền được quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc phạm vi quản lý của nhiều địa phương).

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung Điều 12 Luật PPP để đồng bộ, thống nhất về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP và dự án đầu tư công (đang được sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư công). Đề xuất nêu trên được xây dựng theo hướng đảm bảo đồng bộ, không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2.3.11. Về việc thực hiện các thủ tục trong quá trình chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng và triển khai dự án sau khi ký kết hợp đồng

- Theo quy định tại các Điều 11, Điều 19 và 28 Luật PPP, việc chuẩn bị đầu tư và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện lần lượt theo trình tự: lập báo cáo nghiên cứu khả thi sau khi đã có chủ trương đầu tư và lập hồ sơ mời thầu sau khi báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt. Thực tế cho thấy, để đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn thời gian chuẩn bị dự án, các thủ tục này có thể thực hiện đồng thời mà không nhất thiết phải theo trình tự lần lượt từng bước nêu trên.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung Điều 19 theo hướng cho phép lập báo cáo nghiên cứu khả thi trong quá trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng phải bảo đảm việc phê duyệt dự án được thực hiện căn cứ quyết định chủ trương đầu tư; Điều 28 Luật PPP theo hướng cho phép cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện đồng thời một số nội dung sau: Lựa chọn danh sách ngắn trong quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi căn cứ quyết định chủ trương đầu tư, tổ chức lập hồ sơ mời thầu trong quá trình chuẩn bị dự án nhưng phải bảo đảm việc phê duyệt

hồ sơ mời thầu được thực hiện căn cứ quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật PPP, sau khi ký kết hợp đồng, doanh nghiệp dự án PPP tổ chức lập thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở của công trình dự án PPP theo quy định của pháp luật về xây dựng. Tuy nhiên, đối với dự án PPP sử dụng vốn nhà nước theo cách thức tách thành “tiểu dự án”, việc thực hiện tiểu dự án sử dụng vốn nhà nước phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công. Hiện nay, một số địa phương (Thành phố Hà Nội đối với dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội) đang gặp vướng mắc trong việc xác định chủ thể lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán của tiểu dự án sử dụng vốn nhà nước và thời điểm phê duyệt thiết kế.

Do vậy, cần làm rõ nội dung này theo hướng đối với tiểu dự án sử dụng vốn nhà nước trong dự án PPP, cơ quan có thẩm quyền sẽ tổ chức lập, thẩm định thiết kế kỹ thuật và dự toán đồng thời với quá trình lựa chọn nhà đầu tư, bảo đảm trước khi ký kết hợp đồng thì tài liệu này phải được phê duyệt; sau khi ký kết hợp đồng, doanh nghiệp dự án PPP sẽ tổ chức lập thiết kế bản vẽ thi công.

Các đề xuất nêu trên được xây dựng theo hướng đảm bảo đồng bộ, không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2.3.12. Về việc đơn giản hoá thủ tục trong quá trình chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư nhằm rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư

Hiện nay, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số quy định sau:

- Điều 11 Luật PPP đề quy định quy trình, thủ tục rút gọn đối với 03 nhóm dự án: (1) dự án PPP quy mô nhóm B và không có yêu cầu sử dụng vốn nhà nước; (2) dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán; (3) dự án áp dụng loại hợp đồng O&M.

- Điều 13 Luật PPP theo hướng cắt giảm thủ tục thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn để bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định tại dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi).

- Điều 19 Luật PPP theo hướng cho phép dự án PPP đã được đánh giá tác động môi trường ở báo cáo nghiên cứu khả thi thì nhà đầu tư trúng thầu, doanh nghiệp dự án PPP không cần đánh giá lại khi triển khai hợp đồng dự án.

Các đề xuất nêu trên được xây dựng theo hướng đảm bảo đồng bộ, không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2.3.13. Về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng O&M

Các Điều 11 và 19 Luật PPP quy định về quy trình thực hiện và nội dung

báo cáo nghiên cứu khả thi áp dụng thống nhất đối với tất cả các dự án PPP, bao gồm cả dự án đầu tư theo loại hợp đồng O&M. Tuy nhiên, đây là một loại hợp đồng mới, có tính chất đặc thù, được thực hiện để khai thác, kinh doanh, quản lý công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đã có sẵn (không có cấu phần xây dựng). Với tính chất đặc thù như vậy, nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, cơ chế quản lý hợp đồng cũng có nhiều yếu tố khác biệt. Do vậy, việc triển khai thực hiện dự án PPP theo loại hợp đồng này trong thời gian qua gặp nhiều vướng mắc, không thể áp dụng trong thực tế.

Để tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi trong quá trình chuẩn bị dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, cần sửa đổi, bổ sung quy định về việc thực hiện hợp đồng O&M theo hướng giản lược hơn so với các hợp đồng truyền thống khác (như BOT), bảo đảm phù hợp với điều kiện đặc thù, khác biệt của loại dự án này (không có cấu phần xây dựng).

Đề xuất nêu trên được xây dựng theo hướng đảm bảo đồng bộ, không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2.3.14. Về thanh toán, quyết toán phần lãi vay sau giai đoạn xây dựng đối với các dự án BT thanh toán bằng tiền

Theo quy định tại khoản 2 Điều 134 Luật Xây dựng, nội dung tổng mức đầu tư xây dựng gồm chi phí xây dựng, thiết bị, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và trượt giá; không bao gồm các khoản chi phí phát sinh sau thời gian xây dựng (như chi phí lãi vay chờ thanh toán, lợi nhuận của nhà đầu tư được tính từ khi dự án hoàn thành...).

Hiện nay, một số hợp đồng BT thanh toán bằng tiền do Bộ Giao thông vận tải và một số địa phương làm cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được ký kết trong giai đoạn Nghị định số 108/2009/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đang gặp vướng mắc trong việc thanh toán, quyết toán do các quy định nêu trên của Luật Xây dựng và Nghị định số 99/2021/NĐ-CP chỉ áp dụng đối với việc thanh toán, quyết toán các chi phí trong thời gian xây dựng. Đối với các chi phí sau thời gian xây dựng, mặc dù được thể hiện trong phương án tài chính, đã được cấp có thẩm quyền cho phép và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thoả thuận với nhà đầu tư trong Hợp đồng dự án, nhưng không thuộc nội dung tổng mức đầu tư theo quy định của pháp luật về xây dựng nên không có cơ sở để thanh toán và quyết toán, thanh lý hợp đồng do chưa hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan.

Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã được phép Thành phố áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước, trong đó quy định: chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi nhuận hợp lý được

tính vào tổng mức đầu tư dự án (điểm d khoản 5 Điều 4).

Nếu vướng mắc trên không được tháo gỡ thì đề xuất tiếp tục thực hiện loại hợp đồng BT thanh toán bằng tiền cũng sẽ gặp vướng mắc tương tự.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 101 Luật PPP theo hướng quy định rõ đối với Hợp đồng dự án BT thanh toán bằng tiền ký kết trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành mà chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý được xác định trong phương án tài chính tại hợp đồng dự án thì được tính vào tổng mức đầu tư của dự án để thực hiện thanh toán.

2.3.15. Về việc áp dụng Luật PPP đối với dự án đã ký kết hợp đồng trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành

Theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật PPP, Hợp đồng dự án được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng dự án.

Trên thực tế, các hợp đồng được ký kết trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành đều có nội dung thỏa thuận căn cứ quy định tại Nghị định số 108/2009/NĐ-CP, Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và một số văn bản khác có hiệu lực tại thời điểm ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, hiện nay một số hợp đồng dự án có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung nhưng không thể thực hiện vì các văn bản nêu trên không có quy định áp dụng đối với nội dung sửa đổi, bổ sung.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định về việc áp dụng Luật PPP đối với dự án đã ký kết hợp đồng trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành. Trường hợp pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án không có quy định mà cần sửa đổi, bổ sung hợp đồng thì các bên được thỏa thuận để sửa đổi, bổ sung hợp đồng về việc áp dụng quy định của Luật này và pháp luật có liên quan có hiệu lực tại thời điểm sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

Đề xuất nêu trên được xây dựng theo hướng đảm bảo đồng bộ, không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2.3.16. Về việc thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp hợp đồng BT đã được ký kết nhưng có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng

Theo nguyên tắc quy định tại điểm c khoản 5 Điều 101 Luật PPP thì Hợp đồng dự án BT được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng và pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, thực tế đã phát sinh trường hợp một số hợp đồng dự án được ký kết chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết nhưng Luật PPP cũng như các Nghị định quy định chi tiết Luật này đều không có quy định hoặc quy định thiếu rõ ràng để xử lý các trường hợp này, dẫn đến vướng mắc

trong quá trình thực hiện. Những vướng mắc phổ biến là: (i) chưa làm rõ tiêu chí xác định “Hợp đồng đã ký kết đúng quy định của pháp luật” và cơ quan có trách nhiệm xác định; (ii) trường hợp hợp đồng được ký kết chưa đúng thì trách nhiệm thuộc về nhà đầu tư hay của cơ quan quản lý có thẩm quyền; (iii) nguyên tắc xử lý trong trường hợp hợp đồng được ký kết không đúng quy định. Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 101 Luật PPP để xử lý các vướng mắc này.

Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 69/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 90 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP) quy định trường hợp chuyển tiếp đối với dự án BT ký kết hợp đồng đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung tại Điều 101 Luật PPP không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại Nghị định số 69/2019/NĐ-CP.

2.4. Về nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Đấu thầu

2.4.1. Về một số hoạt động đấu thầu được thực hiện trước khi dự án, điều ước quốc tế được phê duyệt, ký kết (đấu thầu trước)

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 42 Luật Đấu thầu theo hướng: (i) Cho phép chủ đầu tư được thực hiện trước toàn bộ các hoạt động lựa chọn nhà thầu, bao gồm cả việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi quyết định đầu tư được phê duyệt; (ii) Cho phép chủ đầu tư được ký kết hợp đồng trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài đối với gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định của nhà tài trợ nước ngoài và sau khi dự án được phê duyệt.

Theo quy định tại khoản 16 Điều 4 Luật Đầu tư công, hoạt động đầu tư công bao gồm lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định chương trình, dự án đầu tư công; lập, thẩm định, phê duyệt, giao, triển khai thực hiện kế hoạch, dự án đầu tư công; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; nghiệm thu, bàn giao chương trình, quyết toán dự án đầu tư công; theo dõi và đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công.

Theo quy định tại khoản 21 Điều 3 Luật Xây dựng, hoạt động xây dựng gồm lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát xây dựng, quản lý dự án, lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng và hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình.

Theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 (sau đây gọi tắt là Luật số 62/2020/QH14) về quản lý dự án đầu tư xây dựng, gồm: lập, thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng; khảo sát xây dựng; cấp giấy phép xây dựng và quản lý

trật tự xây dựng; xây dựng công trình đặc thù và thực hiện dự án đầu tư xây dựng tại nước ngoài; quản lý năng lực hoạt động xây dựng; hình thức quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Như vậy, Luật Đầu tư công và Luật Xây dựng đều có quy định về các hoạt động thuộc dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng. Tuy nhiên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận thấy 02 Luật này chỉ quy định về việc lập, thẩm định và phê duyệt dự án mà không quy định về các hoạt động được thực hiện trước khi phê duyệt dự án, do đó việc cho phép thực hiện trước các hoạt động lựa chọn nhà thầu như tại dự thảo Luật sẽ không gây mâu thuẫn, chồng chéo với 02 Luật này.

Ngoài ra, Luật Điều ước quốc tế (Điều 14) quy định “*trước khi quyết định ký điều ước quốc tế có quy định khác hoặc chưa được quy định trong luật, điều ước quốc tế... mà việc thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cơ quan có thẩm quyền quyết định ký điều ước quốc tế trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến*”. Đồng thời, Luật Thỏa thuận quốc tế (Điều 3) quy định nguyên tắc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế phải phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, lợi ích quốc gia, dân tộc, đường lối đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên...

Tuy nhiên, hiện nay một số nhà tài trợ nước ngoài có yêu cầu phải ký kết trước hợp đồng thương mại như một điều kiện ràng buộc để đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay. Trường hợp thực hiện theo Luật Đấu thầu hiện hành thì hoạt động thực hiện trước khi phê duyệt dự án chỉ được thực hiện khi điều ước quốc tế, thỏa thuận vay **đã ký kết** có quy định cho phép áp dụng, trường hợp trong quá trình đàm phán dự án mà có những quy định khác hoặc chưa được quy định thì phải báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến.

Do đó, việc quy định như dự thảo Luật là cơ sở pháp lý để cơ quan có thẩm quyền ký điều ước quốc tế, thỏa thuận vay **trong quá trình đàm phán** được quy định các nội dung thực hiện trước các hoạt động lựa chọn nhà thầu theo yêu cầu của nhà tài trợ mà không mâu thuẫn, chồng chéo, bảo đảm phù hợp, thống nhất áp dụng trong pháp luật về đấu thầu và các quy định tại điều ước quốc tế, thỏa thuận vay.

2.4.2. Về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt

Việc sửa đổi, bổ sung các gói thầu được áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt tại Điều 29 Luật Đấu thầu không mâu thuẫn, xung đột, không có tác động đến các quy định hiện hành vì hiện nay quy trình lựa chọn nhà thầu các gói thầu này theo cơ chế đặc thù, riêng biệt chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật, gồm: gói thầu tổ chức các hội nghị, hội thảo, đại hội, tập huấn; gói thầu sản xuất phim; gói thầu sản xuất chương trình phát sóng gắn liền với ý tưởng thực hiện; gói thầu dịch vụ các công ty xếp hạng tín nhiệm quốc tế;

gói thầu hệ thống thanh toán quốc tế cung cấp độc quyền bởi Hiệp hội viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu SWIFT; gói thầu mua dịch vụ của các công ty cung cấp dịch vụ thông tin tài chính – tiền tệ quốc tế và nền tảng giao dịch; gói thầu lựa chọn luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nước ngoài; gói thầu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành đặc thù cho cán bộ, công chức, **viên chức, người lao động** do cần thiết phải mời cơ quan, đơn vị có thẩm quyền hoặc có chức năng, nhiệm vụ đào tạo chuyên môn được cơ quan có thẩm quyền giao.

Đồng thời, việc sửa đổi, bổ sung này phù hợp, đồng bộ với các Luật có liên quan như Bộ Luật Tố tụng hình sự (Điều 217), Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự (Điều 10), Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23/12/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP (khoản 3 Điều 1), Nghị định số 18/2022/NĐ-CP về nghi lễ đối ngoại, Luật Báo chí.... Cụ thể như sau:

- Gói thầu thẩm định giá tài sản liên quan đến các vụ án hình sự:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 217 Bộ luật Hình sự, việc định giá tài sản do Hội đồng định giá tài sản tiến hành. Phiên họp định giá tài sản có thể thực hiện tại nơi có tài sản được định giá hoặc nơi khác theo quyết định của Hội đồng định giá tài sản.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 97/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự, **Hội đồng định giá có quyền thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thực hiện thẩm định giá tài sản**

Như vậy, việc định giá tài sản do Hội đồng định giá tiến hành và Hội đồng được tổ chức lựa chọn nhà thầu để thuê doanh nghiệp thực hiện việc thẩm định giá. Do đó, dự thảo Luật quy định “gói thầu thẩm định giá tài sản...” là không mâu thuẫn, chồng chéo với pháp luật khác có liên quan.

- Gói thầu mua thông tin của các thông tấn, tổ chức báo chí nước ngoài, in ấn phẩm báo chí do các cơ quan của Trung ương đảng, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện nhằm tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước:

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37 Luật Báo chí số 103/2016/QH13, Cơ quan báo chí được phép liên kết trong các lĩnh vực bao gồm **Khai thác hoặc mua bản quyền về mǎng sét, nội dung các ấn phẩm báo chí thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, thể thao, giải trí, quảng cáo và thông tin kinh tế của báo chí nước ngoài để xuất bản tại Việt Nam.**

Nội dung này quy định về các hoạt động được phép liên kết (thường có chia sẻ lợi nhuận) trong hoạt động báo chí mà không quy định về việc mua thông tin

(không chia sẻ lợi nhuận) của các hãng thông tấn, cơ quan báo chí nước ngoài. Do vậy, việc “mua thông tin của các hãng tin, thông tấn nước ngoài” hiện nay chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, không thuộc nội dung quy định nêu trên, không gây mâu thuẫn, chồng chéo.

- Gói thầu phục vụ công tác đối ngoại và mua tặng phẩm đối ngoại cho Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Bộ trưởng đi công tác nước ngoài: Nghi lễ đối ngoại được quy định tại Nghị định số 18/2022/NĐ-CP, đồng thời, dự thảo Luật quy định theo hướng dẫn chiếu sang pháp luật về nghi lễ đối ngoại. Do đó, nội dung này không có mâu thuẫn, chồng chéo với pháp luật có liên quan.

Ngoài ra, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo hướng phân cấp cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, chủ tịch UBND cấp tỉnh được tự quyết định. Nội dung này không mâu thuẫn, chồng chéo, phù hợp với các nội dung phân cấp trong Luật Tổ chức chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2.4.4 Về việc áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế, đấu thầu trong nước

Dự thảo Luật sửa đổi theo hướng cho phép tổ chức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế trong trường hợp đây là điều kiện ràng buộc của nhà tài trợ nước ngoài trước khi ký kết điều ước quốc tế, hiệp định vay; nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có quy định cho phép nhà thầu nước ngoài được tham dự thầu.

Luật Điều ước quốc tế (Điều 14) quy định “*trước khi quyết định ký điều ước quốc tế có quy định khác hoặc chưa được quy định trong luật, điều ước quốc tế... mà việc thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cơ quan có thẩm quyền quyết định ký điều ước quốc tế trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến*”. Đồng thời, Luật Thỏa thuận quốc tế (Điều 3) quy định nguyên tắc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế phải phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, lợi ích quốc gia, dân tộc, đường lối đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên...

Tuy nhiên, hiện nay đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế là điều kiện tiên quyết của một số đối tác phát triển để tài trợ vốn cho Việt Nam và điều kiện này được đặt ra ngay trong quá trình đàm phán điều ước quốc tế, thỏa thuận vay. Đồng thời, các nhà tài trợ đều có quy định bắt buộc về xuất xứ nhà thầu đối với đấu thầu trong nước (cho phép nhà thầu thuộc danh sách các quốc gia hợp lệ được tham dự thầu trong nước) trong khi Luật Đấu thầu quy định đấu thầu trong nước chỉ cho phép nhà thầu trong nước tham dự thầu.

Các nội dung này chỉ được thực hiện trong trường hợp điều ước quốc tế, thỏa

thuận vay **đã ký kết** có quy định cho phép áp dụng; trong quá trình đàm phán các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, trường hợp có quy định về đấu thầu khác hoặc chưa được quy định tại Luật Đấu thầu thì phải báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến (Điều 3 Luật Đấu thầu).

Do đó, việc quy định như dự thảo Luật là cơ sở pháp lý để cơ quan có thẩm quyền ký điều ước quốc tế, thỏa thuận vay **trong quá trình đàm phán** được quy định các nội dung này theo yêu cầu của nhà tài trợ mà không mâu thuẫn, chồng chéo, bảo đảm phù hợp, thống nhất áp dụng trong pháp luật về đấu thầu và các quy định tại điều ước quốc tế, thỏa thuận vay.

2.4.4. Về mua thuốc để bán lẻ tại các nhà thuốc bệnh viện công lập

Dự thảo Luật sửa đổi theo hướng quy định: đối với việc mua thuốc để bán lẻ tại cơ sở bán lẻ thuốc trong khuôn viên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, trường hợp áp dụng mua sắm trực tiếp, chủ đầu tư được *áp dụng nhiều lần* đối với một hoặc nhiều loại thuốc.

Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 107 Luật Dược số 105/2016/QH13, đấu thầu thuốc dự trữ quốc gia theo quy định của Luật đấu thầu và pháp luật về dự trữ quốc gia; đấu thầu thuốc mua từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của cơ sở y tế công lập theo quy định của Luật đấu thầu, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Do đó, việc quy định về mua sắm thuốc tại cơ sở bán lẻ thuốc của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại dự thảo Luật này là phù hợp, không mâu thuẫn, chồng chéo với pháp luật khác có liên quan.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 Luật Đấu thầu năm 2023, chủ đầu tư chỉ được áp dụng mua sắm trực tiếp một lần đối với các loại hàng hóa thuộc gói thầu. Dự thảo Luật quy định chủ đầu tư được áp dụng mua sắm trực tiếp nhiều lần đối với một hoặc nhiều loại thuốc nhưng chỉ dành cho mua thuốc để bán lẻ tại cơ sở bán lẻ thuốc trong khuôn viên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh mà không áp dụng cho tất cả chủ đầu tư. Đồng thời, nội dung này chưa được quy định tại pháp luật khác. Do đó, dự thảo Luật đã quy định riêng cho việc mua sắm thuốc tại cơ sở bán lẻ thuốc, không áp dụng chung quy định với các gói thầu khác, không gây mâu thuẫn, chồng chéo với pháp luật đấu thầu hiện hành và pháp luật khác có liên quan.

2.4.5. Về phương thức đấu thầu một giai đoạn hai túi hồ sơ và thương thảo hợp đồng

Dự thảo Luật sửa đổi theo hướng quy định: phương thức đấu thầu một giai đoạn hai túi hồ sơ và thương thảo hợp đồng áp dụng đối với gói thầu có nội dung thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản

phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển được quy định tại Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Dự thảo Luật quy định dẫn chiếu sang danh mục này bảo đảm không gây mâu thuẫn, chồng chéo trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

2.4.6. Một số nội dung khác

a) Về tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư

- Dự thảo Luật bổ sung “các tổ chức khác” vào đối tượng bảo đảm tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư. Nội dung này chưa được quy định tại pháp luật khác, không có mâu thuẫn, chồng chéo.

b) Về thời gian trong lựa chọn nhà thầu

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 45 Luật Đấu thầu theo hướng quy định thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu, thời gian sửa đổi hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ tư vấn đơn giản hoặc gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách là tối thiểu 09 ngày và tối thiểu 03 ngày làm việc. Nội dung này chưa được quy định tại pháp luật khác, không có mâu thuẫn, chồng chéo.

c) Về gói thầu chỉ định thầu cần triển khai ngay để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 23 theo hướng bổ sung cụm từ “hàng hóa khác” vào “gói thầu cần triển khai ngay để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh” được áp dụng hình thức chỉ định thầu. Nội dung này bảo đảm đồng bộ, không mâu thuẫn, chồng chéo với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 41 Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13: “Trường hợp không thể áp dụng đấu thầu rộng rãi hoặc chào hàng cạnh tranh do tính chất đột xuất, cấp bách, yêu cầu thời vụ, thời điểm đối với gói thầu mua hàng dự trữ quốc gia là thuốc phòng, chống dịch bệnh, hóa chất sát trùng, thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống cây trồng thì được áp dụng hình thức chỉ định thầu”. Như vậy, dự thảo Luật bổ sung “hàng hóa khác” để bao quát tất cả các loại hàng hóa, bao gồm cả hóa chất sát trùng, thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống cây trồng... của ngành nông nghiệp để bảo đảm đáp ứng tính đột xuất, cấp bách trong công tác phòng, chống dịch bệnh và thực tiễn sản xuất cũng như mục tiêu của dự trữ quốc gia.

d) Về căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và điều kiện chỉ định thầu đối với gói thầu quy hoạch

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 và điểm a khoản 3 Điều 23 Luật Đấu thầu, một trong các căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và điều kiện chỉ định thầu là phải có quyết định đầu tư được phê duyệt. Tuy nhiên, pháp luật về quy hoạch chỉ có quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quyết định phê duyệt quy hoạch, không có khái niệm “quyết định đầu tư” dẫn đến khi triển khai, chủ đầu tư gặp khó khăn trong việc xác định điều kiện chỉ định thầu và căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Do đó, cần phải sửa đổi các quy định nêu trên của

Luật Đấu thầu để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với pháp luật về quy hoạch.

Theo quy định tại Điều 7 Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, trình tự trong quy hoạch gồm: 1. Lập quy hoạch: a) Lập, thẩm định và *phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch*; b) Tổ chức lập quy hoạch. 2. Thẩm định quy hoạch. 3. Quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch. 4. Công bố quy hoạch. 5. Thực hiện quy hoạch. Như vậy, hoạt động quy hoạch bao gồm phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và phê duyệt quy hoạch, việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch được thực hiện trước khi phê duyệt quy hoạch (Điều 32 Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14). Dự thảo Luật quy định một trong các điều kiện chỉ định thầu là có “quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch” phù hợp, không mâu thuẫn, chồng chéo với Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 27/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch được thuê tư vấn đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn quy định tại Điều 4 Nghị định này để xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch. Theo đó, việc thuê tư vấn xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch được thực hiện trước khi nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt. Đồng thời, theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 7 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, các trường hợp không cần lập nhiệm vụ quy hoạch: a) Trường hợp lập quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp tại khu vực đã có quy hoạch chung xây dựng hoặc quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế đã được phê duyệt thì không cần lập nhiệm vụ quy hoạch; b) Trường hợp lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp tại khu vực đã có quy hoạch phân khu xây dựng được phê duyệt thì không cần lập nhiệm vụ quy hoạch; c) Trường hợp không cần lập nhiệm vụ quy hoạch theo quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp khu công nghiệp, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ quy định tại khoản này được xác định trong quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế đã được phê duyệt thì được lập đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp *mà không cần lập nhiệm vụ quy hoạch*.

Do vậy, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 và điểm a khoản 3 Điều 23 theo hướng bổ sung “*quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch*” là một trong các căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và điều kiện để áp dụng chỉ định thầu.

Đồng thời, dự thảo Luật đã loại trừ “*gói thầu tư vấn cần thực hiện trước khi phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và gói thầu tư vấn lập quy hoạch không phải phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch*” không phải đáp ứng điều kiện phải có “Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch” khi áp dụng hình thức chỉ định thầu, lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu để bảo đảm phù hợp với pháp luật về quy hoạch.

đ) Về áp dụng Luật Đấu thầu

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu theo hướng quy định cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được tự quyết định việc lựa chọn nhà thầu trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trong trường hợp ***lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã ký hợp đồng.***

Hiện nay, cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

Theo đó, 02 Nghị định này quy định cơ chế tự chủ cho tất cả đơn vị sự nghiệp công lập (cả 03 nhóm đơn vị sự nghiệp: nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3) mà không có quy định cụ thể về việc lựa chọn nhà thầu đối với hoạt động kinh doanh, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp.

Do vậy, việc quy định như tại dự thảo Luật là không mâu thuẫn, chồng chéo với pháp luật khác có liên quan.

(Phụ lục - văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến dự án Luật).

Trên đây là Báo cáo Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến sửa đổi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Ủy ban Kinh tế;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Các đơn vị: Cục QLĐT, Vụ QLQH;
- Lưu: VT, PC (Hàng).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng

Phụ lục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC RÀ SOÁT LIÊN QUAN ĐẾN
DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUY HOẠCH, LUẬT ĐẦU TƯ, LUẬT
ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ VÀ LUẬT ĐẦU THẦU
(kèm theo Báo cáo số 7768/BC-BKHĐT ngày 24/9/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	NHÓM VĂN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
1.	Về nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch			
1.1.	Về hệ thống quy hoạch quốc gia	Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 Luật Quy hoạch như sau: “9. Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.”.	Điều 1 Luật Quy hoạch quy định như sau Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia. Khoản 9 Điều 3 Luật Quy hoạch quy định như sau: Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Quy hoạch có tính	- Các quy định hiện hành có một số vướng mắc như sau: + Quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành không thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định tại Điều 1, không thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia theo quy định tại Điều 5 Luật Quy hoạch nhưng lại được định nghĩa và liệt kê danh mục tại Luật Quy hoạch dẫn đến có

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 Luật Quy hoạch như sau:</p> <p>“5. Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.</p> <p>Danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được quy định tại Phụ lục II của Luật này. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.”.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 6 Luật Quy hoạch như sau:</p>	<p>chất kỹ thuật, chuyên ngành bao gồm các quy hoạch được quy định tại Phụ lục II của Luật này.</p> <p>Điều 5 Luật Quy hoạch quy định như sau:</p> <p>Điều 5. Hệ thống quy hoạch quốc gia</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quy hoạch cấp quốc gia. Quy hoạch cấp quốc gia bao gồm quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia. 2. Quy hoạch vùng. 3. Quy hoạch tỉnh. 4. Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định. 5. Quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn. <p>Khoản 2 của Điều 20 quy định như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Quy hoạch cao hơn. 	<p>nhiều cách hiểu khác nhau về phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch, gây khó khăn, vướng mắc đối với lập và thực hiện quy hoạch.</p> <p>+ Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh nhưng Điều 6 Luật Quy hoạch lại không quy định mối quan hệ giữa quy hoạch này với từng cấp, loại quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia dẫn đến nhiều cách hiểu về vai trò, vị trí của các loại quy hoạch này cũng như tính thống nhất, đồng bộ và liên kết của hệ thống quy hoạch.</p> <p>- Có ý kiến cho rằng vai trò của quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thấp hơn quy hoạch tỉnh do không thuộc hệ thống quy hoạch</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:</p> <p>“1. Quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia.</p> <p>Trường hợp quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia có mâu thuẫn với nhau thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch tổng thể quốc gia.”;</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:</p> <p>“4. Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên</p>		<p>quốc gia. Trong khi đó, theo Danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành tại Phụ lục II của Luật Quy hoạch thì nhiều quy hoạch thuộc Danh mục này có nội dung, tính chất quan trọng và phạm vi tác động trên toàn quốc hoặc liên quan tới 2 tỉnh trở lên .</p> <p>Như vậy, quy định nêu trên chưa bảo đảm tính toàn diện, thứ bậc, chưa xác định rõ mối quan hệ giữa quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh..., dẫn đến nhiều vướng mắc trong việc lập và thực hiện quy hoạch, làm giảm hiệu quả của công tác quy hoạch.</p> <p>- Do không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch, các quy định về</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>ngành phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có liên quan theo quy định của Chính phủ.”.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 20 như sau:</p> <p>“2. Quy hoạch cao hơn (nếu có).”.</p>		<p>nguyên tắc cơ bản, kinh phí, hợp tác quốc tế, giám sát và các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động quy hoạch tại Điều 4, Điều 9, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Luật Quy hoạch không được áp dụng thống nhất đối với quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.</p> <p>Đặc biệt, dù không thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch nhưng các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành lại được định nghĩa tại khoản 9 Điều 3 và liệt kê danh mục tại Phụ lục II của Luật Quy hoạch dẫn đến cách hiểu rằng việc lập, thẩm định, điều chỉnh các quy hoạch này phải sử dụng nguồn vốn đầu tư công như quy định tại Điều 9 Luật Quy hoạch, dẫn</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
				<p>đến vướng mắc trong việc bố trí kinh phí và ảnh hưởng lớn tới tiến độ lập, thẩm định, điều chỉnh các quy hoạch này.</p> <p>- Quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia theo quy định tại Điều 5 Luật Quy hoạch nhưng lại có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành do cụ thể hóa quy hoạch tỉnh (theo quy định khoản 9 Điều 3 Luật Quy hoạch) và được lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành (theo quy định tại Điều 28 Luật Quy hoạch). Quy định này dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng pháp luật, xác định vai trò của quy hoạch nông thôn và kinh phí cho loại quy hoạch này. Nội dung này cũng đã được đề xuất sửa đổi tại Dự thảo Luật Quy hoạch</p>

STT	NHÓM VĂN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
				<p>đô thị và nông thôn đã trình Quốc hội (Dự thảo Luật trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật ngày 13/8/2024).</p> <p>Do đó, việc sửa đổi Điều 5 Luật Quy hoạch nêu trên là cần thiết để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống quy hoạch cũng như thống nhất với quy định tại Điều 28 và Danh mục quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành tại Phụ lục II Luật Quy hoạch; thống nhất với nội dung Dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn đã trình Quốc hội. Đồng thời sửa đổi quy định tại khoản 1, 4 Điều 6 để làm mối quan hệ giữa các loại quy hoạch.</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
1.2.	<i>Về nhiệm vụ lập quy hoạch; quy trình lập quy hoạch, nội dung quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch và trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch</i>	<p>Về nhiệm vụ lập quy hoạch</p> <p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 Luật Quy hoạch như sau:</p> <p>“2. Thẩm quyền tổ chức thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch được quy định như sau:</p> <p>a) Chính phủ tổ chức thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia;</p> <p>b) Thủ tướng Chính phủ tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch</p>	<p>Về nhiệm vụ lập quy hoạch</p> <p>Điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Quy hoạch quy định “Thủ tướng Chính phủ tổ chức thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.”</p> <p>Khoản 2 Điều 29 Luật Quy hoạch quy định “Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định quy hoạch tỉnh”.</p>	<p>Quy định hiện hành của Luật Quy hoạch không có sự đồng bộ giữa thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định “nhiệm vụ lập quy hoạch” và “quy hoạch” tỉnh. Do đó, cần sửa đổi quy định này theo hướng phân quyền việc thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bảo đảm đồng bộ, thống nhất.</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>vùng; phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh;</p> <p>c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh.”.</p>		
		<p><u>Về quy trình lập quy hoạch</u></p> <p>Sửa đổi, bổ sung điểm b, c và d khoản 1 Điều 16 Luật Quy hoạch như sau:</p> <p>“b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan nghiên cứu, phân tích, đánh giá,</p>	<p>Luật Quy hoạch</p> <p><i>Điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 16 Luật Quy hoạch quy định</i></p> <p>b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan nghiên cứu, xây dựng quy hoạch; phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập quy hoạch;</p>	<p>Theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 16 cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tư vấn “lập quy hoạch”; đồng thời, tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 16 Luật Quy hoạch, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan tiếp tục tổ chức lựa chọn tư vấn để “xây dựng các nội dung quy hoạch” đã được phân công và tổ chức thẩm định các nội dung này.</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đề xuất các quan điểm, mục tiêu, nội dung quy hoạch, gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan;</p> <p>c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan tham gia ý kiến, đề xuất các nội dung quy hoạch thuộc phạm vi quản lý, gửi cơ quan lập quy hoạch;</p> <p>d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương</p>	<p>c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan lựa chọn tổ chức tư vấn để xây dựng các nội dung quy hoạch đã được phân công và tổ chức thẩm định các nội dung này trước khi gửi cơ quan lập quy hoạch.</p> <p>d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch do các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xây dựng;</p> <p>đ) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện nội dung quy hoạch được phân công gửi cơ quan lập quy hoạch;</p> <p><i>Điểm b, c, d và đ khoản 3 Điều 16 Luật Quy hoạch quy định</i></p> <p>b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan nghiên</p>	<p>Ngoài ra, theo quy định tại khoản 5 Điều 5 của Luật Đầu tư công và khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách Nhà nước, vốn đầu tư công chỉ giao cho cơ quan lập quy hoạch, không giao vốn cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ được phân công xây dựng các nội dung quy hoạch.</p> <p>Việc triển khai lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030 theo quy định nêu trên gặp vướng mắc trong quá trình phối hợp giữa cơ quan lập quy hoạch với cơ quan được giao xây dựng các nội dung quy hoạch, cũng như việc thẩm định các nội dung quy hoạch còn trùng lặp với quá trình thẩm định quy hoạch.</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;”;</p> <p>Sửa đổi, bổ sung điểm b, c và d khoản 3 Điều 16 như sau:</p> <p>“b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan nghiên cứu, phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của vùng, đề</p>	<p>cứu, xây dựng quy hoạch; phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của vùng, đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập quy hoạch;</p> <p>c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan lựa chọn tổ chức tư vấn để xây dựng các nội dung quy hoạch đã được phân công và tổ chức thẩm định các nội dung này trước khi gửi cơ quan lập quy hoạch.</p> <p>d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên vùng, liên tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch do các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xây dựng;</p> <p>đ) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện nội dung</p>	<p>Vì vậy, việc hoàn thiện quy định về quy trình lập quy hoạch là rất cần thiết để nâng cao hiệu quả việc phối hợp giữa cơ quan lập quy hoạch với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan trong lập và thẩm định quy hoạch và đồng bộ, thống nhất với Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước về quản lý chi phí.</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>xuất các quan điểm, mục tiêu, nội dung quy hoạch; gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan và địa phương trong vùng;</p> <p>c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan và địa phương trong vùng tham gia ý kiến, đề xuất các nội dung quy hoạch thuộc phạm vi quản lý, gửi cơ quan lập quy hoạch;</p> <p>d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên vùng, liên tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và</p>	<p>quy hoạch được phân công gửi cơ quan lập quy hoạch;</p> <p>Luật Đầu tư công Khoản 5 Điều 5 Luật Đầu tư công quy định đối tượng đầu tư công gồm:</p> <p>“5. Đầu tư phục vụ công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.</p> <p>Luật Ngân sách Nhà nước Khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách Nhà nước quy định:</p> <p>9. Không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác, trừ các trường hợp sau:</p> <p>a) Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>hiệu quả của quy hoạch;”;</p> <p>c) Bổ sung khoản 5 như sau:</p> <p>“5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.</p> <p>Bãi bỏ điểm đ khoản 1 và điểm đ khoản 3 Điều 16</p>	<p>trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương;</p> <p>b) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới;</p> <p>c) Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng.</p>	
		<p><u>Về nội dung quy hoạch</u></p> <p>Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 22 Luật Quy hoạch như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung điểm n khoản 2 như sau:</p> <p>“n) Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia;”;</p>	<p>Luật Quy hoạch</p> <p><i>Điểm n khoản 2, khoản 3 Điều 22 quy định như sau:</i></p> <p>n) Danh mục dự án quan trọng quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện;</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia tại khoản 2 Điều này; quy định việc tích hợp quy hoạch vào quy hoạch tổng thể quốc gia.</p>	<p>- Một số thuật ngữ thuộc lĩnh vực thủy lợi và điện lực trong nội dung quy hoạch tỉnh chưa có sự thống nhất với Luật Thủy lợi, Dự thảo Luật Điện lực đã trình Quốc hội ; nội dung quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn được lập để cụ thể hóa quy hoạch tỉnh đã được sửa đổi tại Dự thảo Luật Quy hoạch</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>b) Sửa đổi bổ sung khoản 3 như sau:</p> <p>“3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia tại khoản 2 Điều này.”.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 23 Luật Quy hoạch như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 2 như sau:</p> <p>“n) Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia;”;</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:</p> <p>“3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch không gian biển</p>	<p>Việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>Điểm i khoản 2, khoản 3 Điều 23 quy định như sau:</p> <p>i) Danh mục dự án quan trọng quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch không gian biển quốc gia tại khoản 2 Điều này; quy định việc tích hợp quy hoạch vào quy hoạch không gian biển quốc gia.</p> <p>Việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>Điểm g khoản 3, điểm d khoản 5, điểm d khoản 6, khoản 7 Điều 25 quy định như sau:</p>	<p>đô thị và nông thôn đã trình Quốc hội. Do đó việc sửa đổi các quy định có liên quan là cần thiết để thống nhất trong áp dụng pháp luật và tránh trùng lặp giữa các cấp quy hoạch.</p> <p>- Theo quy định tại các Điều 22, 23, 25, 26 và 27 Luật Quy hoạch, nội dung quy hoạch bao gồm Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên trong kỳ quy hoạch. Tuy vậy, quy định này chưa bảo đảm tính định hướng của quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; đồng thời trùng lặp với Danh mục dự án theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và các dự án đã được chấp thuận/quyết định chủ trương đầu tư...</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>quốc gia tại khoản 2 Điều này.”.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 25 Luật Quy hoạch như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 3 như sau:</p> <p>“g) Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên của ngành kết cấu hạ tầng quốc gia;”;</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 5 như sau:</p> <p>“d) Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên bảo vệ môi trường;”;</p>	<p>- Điểm g khoản 3:</p> <p>g) Danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của ngành kết cấu hạ tầng quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện</p> <p>- Điểm d khoản 5:</p> <p>d) Danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư bảo vệ môi trường và thứ tự ưu tiên thực hiện</p> <p>- Điểm d khoản 6:</p> <p>d) Danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư bảo tồn đa dạng sinh học và thứ tự ưu tiên thực hiện</p> <p>- Khoản 7:</p> <p>7. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch ngành quốc gia tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này; quy định việc tích hợp quy hoạch vào quy hoạch ngành quốc gia.</p> <p>Việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển</p>	<p>Trên thực tế dự án có thể thuộc nhiều ngành nghề, lĩnh vực và có quy mô, phạm vi, tính chất khác nhau và cũng không thể xác định được hết số lượng các dự án sẽ triển khai trong cả thời kỳ quy hoạch. Đồng thời, do biến động của tình hình kinh tế - xã hội, khả năng thu hút đầu tư... thứ tự ưu tiên thực hiện các dự án có thể thay đổi hoặc có thể phát sinh thêm dự án. Nếu xác định luôn các dự án trong quy hoạch và thứ tự ưu tiên thực hiện thì sẽ phải điều chỉnh quy hoạch nhiều lần mới có thể đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Do đó, việc sửa đổi quy định này là cần thiết để phản ánh đúng tính định hướng của</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>c) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 6 như sau:</p> <p>“d) Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên bảo tồn đa dạng sinh học;”;</p> <p>d) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:</p> <p>“3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch tại khoản 3, 4, 4a, 5 và 6 Điều này.”.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 26 Luật Quy hoạch như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 như sau:</p>	<p>khai các nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>Điểm g khoản 2, khoản 3 Điều 26 quy định như sau:</p> <p>- Điểm g khoản 2:</p> <p>g) Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện;</p> <p>- Khoản 3:</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch vùng tại khoản 2 Điều này; quy định việc tích hợp quy hoạch vào quy hoạch vùng.</p> <p>Việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>Điểm d, e, h, m, o khoản 2, khoản 3 Điều 27 quy định như sau:</p> <p>- Điểm d, e, h, m, o khoản 2:</p>	<p>các Danh mục dự án kèm theo; bảo đảm tính khả thi trong quá trình tổ chức, thực hiện quy hoạch.</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>“g) Danh mục dự kiến các dự án ưu tiên của vùng;”;</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:</p> <p>“3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch vùng tại khoản 2 Điều này.”.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 27 Luật Quy hoạch như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:</p> <p>“d) Phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn; phương án phát triển hệ thống khu kinh tế; khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ</p>	<p>d) Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, bao gồm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đã được xác định trong quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển đô thị tỉnh lỵ và các thành phố, thị xã, thị trấn trên địa bàn; phương án phát triển hệ thống khu kinh tế; khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển các cụm công nghiệp; phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phương án phân bố hệ thống điểm dân cư; xác định khu quân sự, an ninh; phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực;</p> <p>e) Phương án phát triển mạng lưới cấp điện, bao gồm các công trình cấp điện và mạng lưới truyền tải điện đã được xác định trong quy hoạch cấp</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích; phương án phát triển các cụm công nghiệp; phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; xác định khu quân sự, an ninh; phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực;”;</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 như sau:</p>	<p>quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối;</p> <p>h) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, bao gồm mạng lưới thủy lợi, mạng lưới cấp nước quy mô vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới thủy lợi, cấp nước liên huyện;</p> <p>m) Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;</p> <p>o) Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện;</p> <p>- Khoản 3:</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch tỉnh tại khoản 2 Điều này; quy định việc tích hợp quy hoạch vào quy hoạch tỉnh.</p> <p>Việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>“e) Phương án phát triển điện lực đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển nguồn, lưới điện của tỉnh;”;</p> <p>c) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 2 như sau:</p> <p>“h) Phương án phát triển công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước, bao gồm công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; công trình thủy lợi liên huyện, hệ thống cấp nước, thoát nước liên huyện;”;</p>	<p>được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>Luật Thủy lợi</p> <p>Luật Thủy lợi không còn khái niệm “mạng lưới thủy lợi” mà sử dụng khái niệm “công trình thủy lợi”.</p> <p>Dự thảo Luật Điện lực đang trình Quốc hội</p> <p>Dự thảo Luật Điện lực hiện nay không có cụm từ “mạng lưới cấp điện”; “công trình cấp điện”; chưa thống nhất với các khái niệm với quy định của pháp luật về thủy lợi; pháp luật về quy hoạch đô thị; bao gồm cả công trình thủy lợi; hệ thống thoát nước, cấp nước.</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>d) Sửa đổi, bổ sung điểm o khoản 2 như sau:</p> <p>“o) Danh mục dự kiến các dự án ưu tiên của tỉnh;”;</p> <p>đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:</p> <p>“3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch tỉnh tại khoản 2 Điều này.”.</p> <p>Bãi bỏ điểm m khoản 2 Điều 27</p>		
		<p><u>Về kế hoạch thực hiện quy hoạch</u></p> <p>Sửa đổi, bổ sung Điều 45 Luật Quy hoạch như sau:</p>	<p>- Điểm c khoản 2 Điều 45 Luật Quy hoạch quy định như sau:</p> <p>2. Kế hoạch thực hiện quy hoạch bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>c) Kế hoạch sử dụng đất;</p>	<p>Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 45 Luật Quy hoạch, nội dung kế hoạch thực hiện quy hoạch bao gồm kế hoạch sử dụng đất có sự trùng lặp với kế hoạch sử</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>“Điều 45. Kế hoạch thực hiện quy hoạch</p> <p>1. Kế hoạch thực hiện quy hoạch được ban hành sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt.</p> <p>2. Kế hoạch thực hiện quy hoạch phải tuân thủ văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch và bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Dự án đầu tư công;</p> <p>b) Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công;</p> <p>c) Xác định các nguồn lực và việc sử dụng</p>	<p>- Khoản 3, 4 Điều 47 Luật Quy hoạch quy định như sau:</p> <p>3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình cơ quan có thẩm quyền ban hành kế hoạch sử dụng đất để thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành kế hoạch sử dụng đất và bố trí nguồn lực để thực hiện quy hoạch tỉnh.</p> <p>- Khoản 2 Điều 55 Luật Quy hoạch quy định như sau “Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.”</p> <p>- Khoản 1 Điều 56 Luật Quy hoạch quy định như sau:</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà</p>	<p>dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>Theo quy định tại khoản 2 Điều 55 và khoản 1 Điều 56 Luật Quy hoạch thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</p> <p>Thủ tục theo quy định nêu trên chưa tạo được cơ chế linh hoạt trong chỉ đạo điều hành của địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch. Mặt khác, một số nội dung của kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh (như dự án đầu tư công, dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác...) đã được phân quyền cho các địa phương theo quy</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>nguồn lực để thực hiện quy hoạch.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.</p> <p>Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 45</p> <p>Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 47 Luật Quy hoạch như sau:</p> <p>“4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bố trí nguồn lực để thực hiện quy hoạch tỉnh.”.</p> <p>Bãi bỏ khoản 3 Điều 47</p> <p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 55 Luật Quy hoạch như sau:</p>	<p>nước về quy hoạch tại địa phương và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</p> <p>1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh.</p> <p>Luật Đất đai</p> <p>Khoản 3 Điều 60 quy định “3. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được lập ở cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp huyện phải đáp ứng yêu cầu thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; bảo đảm quốc phòng, an ninh.”</p>	<p>định của Luật Đầu tư công và Luật Đầu tư.</p> <p>Do đó, việc sửa đổi quy định tại Điều 55 và Điều 56 Luật Quy hoạch để phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh là cần thiết để tạo sự chủ động, linh hoạt cho địa phương trong quá trình thực hiện quy hoạch tỉnh.</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>“2. Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng.”.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 56 Luật Quy hoạch như sau:</p> <p>“1. Ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh; ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh.”.</p>		
		<p><u>Về điều chỉnh quy hoạch</u> Sửa đổi, bổ sung Điều 51 Luật Quy hoạch như sau:</p>	<p>Luật Quy hoạch Điều 51 Luật Quy hoạch quy định:</p>	<p>Theo quy định tại Điều 54 Luật Quy hoạch, việc điều chỉnh quy hoạch phải thực hiện đầy đủ thủ tục như đối</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>“Điều 51. Nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch</p> <p>1. Quy hoạch được điều chỉnh theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 54 của Luật này khi có một trong các căn cứ được quy định tại Điều 53 Luật này.</p> <p>2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt việc điều chỉnh quy hoạch.</p> <p>3. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch chịu trách nhiệm tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch.</p>	<p>Điều 51. Nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch</p> <p>1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt việc điều chỉnh quy hoạch.</p> <p>2. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch chịu trách nhiệm tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch.</p> <p>3. Việc điều chỉnh quy hoạch không làm thay đổi mục tiêu của quy hoạch, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều 53 của Luật này.</p> <p>Điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội quy định như sau:</p> <p>c) Lập đồng thời các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh khác có quy định về quy hoạch; tập trung ưu tiên lập quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng. Quy hoạch được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước.</p>	<p>với việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch mới, bao gồm nhiệm vụ lập quy hoạch, lập Hội đồng thẩm định quy hoạch... (mất 2 đến 3 năm). Trong khi đó, trên thực tế đã phát sinh nhiều tình huống cần điều chỉnh quy hoạch để đáp ứng yêu cầu cấp bách như: thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Quốc hội và Chính phủ nhưng không làm thay đổi mục tiêu và định hướng phát triển tại quy hoạch; hoặc để bảo đảm quy hoạch cấp dưới phù hợp với quy hoạch cấp trên kịp thời, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu thực tiễn (như điều chỉnh quy hoạch tỉnh do sắp xếp đơn vị hành chính cấp</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>4. Việc điều chỉnh quy hoạch không làm thay đổi mục tiêu của quy hoạch, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 53 của Luật này.”.</p> <p>Bổ sung Điều 54a vào sau Điều 54 Luật Quy hoạch như sau:</p> <p>“Điều 54a. Điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn</p> <p>1. Việc điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn không làm thay đổi quan điểm và mục tiêu của quy hoạch; bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định</p>	<p>Khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn giữa quy hoạch thấp hơn với quy hoạch cao hơn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn. Trường hợp có mâu thuẫn giữa các quy hoạch cùng cấp, căn cứ vào Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, các văn kiện của Đảng, chiến lược phát triển ngành và từ yêu cầu thực tiễn, cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch quyết định điều chỉnh quy hoạch, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch.</p> <p>Việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 trong trường hợp có mâu thuẫn được thực hiện như sau:</p> <p>- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch rà soát nội dung mâu thuẫn cần điều chỉnh; lập báo cáo điều chỉnh quy hoạch kèm theo dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch gửi xin ý</p>	<p>huyện, cấp xã; thực hiện các dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội thông qua...).</p> <p>Do vậy, việc bổ sung quy định về điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn là cần thiết để bảo đảm đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>và hệ thống giữa các quy hoạch.</p> <p>2. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh được điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn khi có một trong các căn cứ sau đây:</p> <p>a) Việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính và các dự án quan trọng quốc gia làm thay đổi một số nội dung quy hoạch;</p> <p>b) Quy hoạch có mâu thuẫn với quy hoạch cao hơn;</p>	<p>kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan có liên quan;</p> <p>- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch cần điều chỉnh có trách nhiệm tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan có liên quan, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch và chịu trách nhiệm về nội dung điều chỉnh; trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch; công bố điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>c) Quy hoạch có mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp;</p> <p>d) Việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh làm thay đổi phân kỳ thực hiện, thông số, thông tin của công trình, dự án đã được xác định tại quy hoạch.3. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn:</p> <p>a) Cơ quan lập quy hoạch quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>hoạch sử dụng đất quốc gia xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia gửi xin ý kiến của cơ quan có liên quan; báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định chấp thuận chủ trương điều chỉnh quy hoạch trong trường hợp quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều này trước khi xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, gửi xin ý kiến của cơ quan có liên quan;</p> <p>Bộ, cơ quan ngang Bộ xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia gửi xin ý kiến</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>của cơ quan có liên quan; báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương điều chỉnh quy hoạch trong trường hợp quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều này trước khi chỉ đạo xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, gửi xin ý kiến của cơ quan có liên quan;</p> <p>Cơ quan lập quy hoạch vùng xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch vùng gửi xin ý kiến của cơ quan có liên quan; báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương điều chỉnh quy hoạch trong trường hợp quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều này trước</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>khi xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, gửi xin ý kiến của cơ quan có liên quan;</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh, gửi xin ý kiến của cơ quan có liên quan; báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương điều chỉnh quy hoạch trong trường hợp quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều này trước khi chỉ đạo xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, gửi xin ý kiến của cơ quan có liên quan;</p> <p>b) Các cơ quan có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi xin ý kiến;</p> <p>c) Cơ quan lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan có liên quan, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, báo cáo Chính phủ xem xét, trình Quốc hội quyết định điều chỉnh quy hoạch.</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>Bộ, cơ quan ngang Bộ tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan có liên quan, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.</p> <p>Cơ quan lập quy hoạch vùng tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan có liên quan, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch vùng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan có liên quan, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh, gửi</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh đã được hoàn thiện, tổng hợp ý kiến rà soát báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo văn bản tổng hợp ý kiến rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
1.3.	<i>Về kinh phí cho hoạt động quy hoạch</i>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Luật Quy hoạch như sau:</p> <p>“Điều 9. Chi phí cho hoạt động quy hoạch</p> <p>“1. Chi phí lập, công bố, điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh sử dụng nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, trừ quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh thực hiện theo pháp luật về đất đai.</p>	<p>Điều 9 Luật Quy hoạch quy định như sau</p> <p>Điều 9. Chi phí cho hoạt động quy hoạch</p> <p>1. Chi phí lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch được sử dụng từ vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công.</p> <p>2. Chi phí đánh giá quy hoạch được sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</p> <p>Điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội quy định như sau:</p> <p>đ) Sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch mà đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành chưa được bố trí vốn.</p>	<p>Điều 9 Luật Quy hoạch quy định về việc “sử dụng từ vốn đầu tư công” để lập quy hoạch; không quy định về việc sử dụng kinh phí thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác để lập quy hoạch; không có quy định về kinh phí cho quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Trong khi đó, pháp luật chuyên ngành trong một số lĩnh vực quy định về việc sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên để lập quy hoạch, dẫn đến cách hiểu chưa thống nhất về nguồn kinh phí đối với hoạt động quy hoạch.</p> <p>Nghị quyết số 61/2022/QH15 đã cho phép</p>

STT	NHÓM VĂN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>2. Chi phí lập, thẩm định, điều chỉnh nhiệm vụ lập quy hoạch; thẩm định; đánh giá; điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh sử dụng nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</p> <p>3. Chi phí lập, thẩm định, công bố, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành sử dụng nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp</p>		<p>sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch mà đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành chưa được bố trí vốn, nhưng chưa quy định cụ thể việc lập, thẩm định quy hoạch sau khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có được sử dụng kinh phí chi thường xuyên hay không, dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau và vẫn chưa khắc phục được triệt để các vướng mắc về kinh phí cho hoạt động quy hoạch.</p> <p>Do vậy, để khắc phục các vướng mắc nêu trên, đề nghị</p>



STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		khác theo quy định của pháp luật. 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.		sửa đổi quy định về chi phí cho hoạt động quy hoạch tại Điều 9 Luật Quy hoạch theo hướng bổ sung quy định cho phép sử dụng nguồn vốn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác cho hoạt động quy hoạch, trong đó quy định cụ thể kinh phí cho quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, tạo cơ chế linh hoạt trong việc sử dụng các nguồn ngân sách nhà nước phù hợp với tính chất của từng loại quy hoạch và đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch.
1.4.	<i>Về chế độ báo cáo</i>	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 49 Luật Quy hoạch như sau:	Khoản 1 Điều 49 Luật Quy hoạch quy định như sau:	Từ thực tiễn cho thấy việc rà soát quy hoạch (được quy định tại Điều 52 Luật Quy hoạch) đã được thực hiện

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>“1. Quy hoạch được đánh giá thực hiện theo định kỳ 05 năm hoặc đột xuất theo tiêu chí đánh giá do Chính phủ quy định.”.</p> <p>Bãi bỏ Điều 52 Luật Quy hoạch</p>	<p>1. Đánh giá thực hiện quy hoạch được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo tiêu chí đánh giá do Chính phủ quy định.</p> <p>Điều 52 Luật Quy hoạch quy định như sau:</p> <p>Điều 52. Rà soát quy hoạch</p> <p>1. Quy hoạch được rà soát theo định kỳ 05 năm để điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn.</p> <p>2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức rà soát quy hoạch.</p> <p>3. Kết quả rà soát quy hoạch phải được báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch.</p>	<p>trong quá trình đánh giá thực hiện quy hoạch (được quy định tại Điều 49 Luật Quy hoạch), do vậy, để giảm bớt thủ tục hành chính, đơn giản hoá chế độ báo cáo, kiến nghị bãi bỏ Điều 52, làm rõ nội dung rà soát quy hoạch trong báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch tại Nghị định; đồng thời sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 49 theo hướng quy định rõ “định kỳ 05 năm” để có cách hiểu Luật thống nhất.</p>
1.5.	<p><i>Về khái niệm “dữ liệu có liên quan” của hệ thống thông</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm c và d khoản 2 Điều 41 Luật Quy hoạch như sau:</p> <p>“c) Bộ, cơ quan ngang Bộ cung cấp cơ sở dữ liệu</p>	<p>Khoản 13 Điều 3 Luật Quy hoạch quy định như sau:</p> <p>Cơ sở dữ liệu về quy hoạch là tập hợp thông tin thể hiện nội dung cơ bản về quy hoạch được xây dựng, cập nhật, duy trì để quản lý, khai thác và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử</p>	<p>Theo quy định tại khoản 13 Điều 3 Luật Quy hoạch, cơ sở dữ liệu về quy hoạch là tập hợp thông tin thể hiện nội dung cơ bản về quy hoạch được xây dựng, cập nhật,</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
	<i>tin quy hoạch</i>	<p>về quy hoạch thuộc phạm vi quản lý để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch trừ các nội dung liên quan đến bí mật nhà nước;</p> <p>d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp cơ sở dữ liệu về quy hoạch thuộc phạm vi quản lý của địa phương để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch trừ các nội dung liên quan đến bí mật nhà nước.”.</p>	<p>Điểm c và d khoản 2 Điều 41 Luật Quy hoạch quy định như sau:</p> <p>2. Trách nhiệm xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch được quy định như sau:</p> <p>c) Bộ, cơ quan ngang Bộ cung cấp dữ liệu có liên quan thuộc phạm vi quản lý để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch;</p> <p>d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp dữ liệu có liên quan thuộc phạm vi quản lý của địa phương để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.</p>	<p>duy trì để quản lý, khai thác và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử. Tuy nhiên, tại điểm c và d khoản 2 Điều 41 Luật Quy hoạch quy định “Bộ, cơ quan ngang Bộ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp dữ liệu có liên quan thuộc phạm vi quản lý để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch” dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau về việc cung cấp dữ liệu, gây khó khăn trong việc đồng bộ hoá dữ liệu để hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.</p> <p>Do vậy, cần chỉnh lý lại quy định về “dữ liệu có liên quan” để thống nhất với quy</p>



STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
				định về khái niệm “cơ sở dữ liệu về quy hoạch”.
2.	Về nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư			
2.1.	<i>Về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư</i>	<p>3. Sửa đổi, bổ sung điểm d và điểm g1 khoản 1 Điều 31 như sau:</p> <p>“d) Dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ</p>	<p>- Điều 116 Luật Đất đai quy định: Căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.</p> <p>- Khoản 2 Điều 122 Luật Đất đai quy định: người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phải có các điều kiện sau đây: a) <i>Ký quỹ hoặc các hình thức bảo đảm khác theo quy định của pháp luật về đầu tư; b) Có năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan; c) Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai hoặc có vi phạm quy</i></p>	Đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 31, bãi bỏ điểm h khoản 1 Điều 31 và bổ sung điểm đ và e vào sau điểm d khoản 1 Điều 32 không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau: Điều 116 Luật Đất đai; Khoản 2 Điều 122 Luật Đất đai; Điều



STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I;</p> <p>g1) Dự án đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi khu vực bảo vệ I của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới;”.</p> <p>4. Bãi bỏ điểm h khoản 1 Điều 31.</p> <p>5. Sửa đổi, bổ sung điểm b1 và bổ sung điểm đ, điểm e vào sau điểm d khoản 1 Điều 32 như sau:</p>	<p><i>định của pháp luật về đất đai nhưng đã chấp hành xong quyết định, bản án đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm đề nghị giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Việc xác định người sử dụng đất vi phạm quy định của pháp luật về đất đai áp dụng đối với tất cả các thửa đất đang sử dụng trên địa bàn cả nước.</i></p> <p>- Điều 123 Luật Đất đai quy định về thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p><i>“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a) Giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức trong nước;</i></p> <p><i>b) Giao đất, cho thuê đất đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc;</i></p>	<p>123 Luật Đất đai; Khoản 1 Điều 122 Luật Đất đai; Khoản 1 và 22 và Điều 79 Luật Đất đai; Khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai; Điều 14 Luật Quy hoạch; Điều 20 Luật Lâm nghiệp (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 248 Luật Đất đai); Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 137/2024/QH15; Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>“b1) Dự án đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi khu vực bảo vệ I và II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, trừ khu vực bảo vệ I của di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới; dự án đầu tư không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt;”;</p>	<p>c) <i>Giao đất, cho thuê đất đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;</i></p> <p>d) <i>Cho thuê đất đối với tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao”.</i></p> <p>- Khoản 1 Điều 122 Luật Đất đai quy định: “<i>Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và đáp ứng các căn cứ quy định tại Điều 116 của Luật này, trừ trường hợp sử dụng đất thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Dầu khí; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư</i></p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>“đ) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất.”;</p> <p>“e) Dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng thuộc cảng biển đặc biệt”.</p>	<p><i>công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư”;</i></p> <p>- Khoản 1 và 22 và Điều 79 Luật Đất đai quy định về các trường hợp thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng gồm: (i) <i>Xây dựng công trình giao thông, bao gồm: đường ô tô cao tốc, đường ô tô, đường trong đô thị, đường nông thôn kể cả đường tránh, đường cứu nạn và đường trên đồng ruộng phục vụ nhu cầu đi lại chung của mọi người, điểm dừng xe, điểm đón trả khách, trạm thu phí giao thông, công trình kho bãi, nhà để xe ô tô; bến phà, bến xe, trạm dừng nghỉ; các loại hình đường sắt; nhà ga đường sắt; các loại cầu, hầm phục vụ giao thông; công trình đường thủy nội địa, công trình hàng hải; công trình hàng không; tuyến cáp treo và nhà ga cáp treo; cảng cá, cảng cạn; các công trình trụ sở, văn phòng, cơ sở kinh doanh dịch vụ trong ga, cảng, bến xe; hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông mà phải thu hồi đất để lưu không; các kết cấu khác phục vụ giao thông vận tải; (ii) Thực</i></p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
			<p><i>hiện dự án khu công nghiệp, cụm công nghiệp; khu công nghệ cao; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu công nghệ thông tin tập trung; khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu phi thuế quan trong khu kinh tế.</i></p> <p>- Khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai quy định về các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.</p> <p>- Điều 14 Luật Quy hoạch: Thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch</p> <p>“1. Chính phủ tổ chức lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.</p> <p>2. Thủ tướng Chính phủ tổ chức lập quy hoạch vùng.</p> <p>3. Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập quy hoạch tỉnh.”</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
			<p>- Điều 20 Luật Lâm nghiệp (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 248 Luật Đất đai)</p> <p><i>“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trừ trường hợp thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Dầu khí.”</i></p> <p>- Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số: 137/2024/QH15 quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; dự án đầu tư xây dựng bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I.</p> <p>- Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP quy</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
			định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	
			<p>Điều 32 Luật Di sản văn hóa: “1. Các khu vực bảo vệ di tích bao gồm: a) Khu vực bảo vệ I là vùng có các yếu tố gốc cấu thành di tích; b) Khu vực bảo vệ II là vùng bao quanh hoặc tiếp giáp khu vực bảo vệ I. 2. Các khu vực bảo vệ quy định tại khoản 1 Điều này phải được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định trên bản đồ địa chính, trong biên bản khoanh vùng bảo vệ của hồ sơ di tích và phải được cắm mốc giới trên thực địa. 3. Khu vực bảo vệ I phải được bảo vệ nguyên trạng về mặt bằng và không gian. Trường hợp đặc biệt có yêu cầu xây dựng công trình trực tiếp phục vụ việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích, việc xây dựng phải được sự đồng ý bằng văn bản của người có thẩm quyền xếp hạng di tích đó. Việc xây dựng công trình bảo vệ và phát huy giá trị di tích ở khu vực bảo vệ II đối với di tích cấp tỉnh phải được sự đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đối với di tích quốc</p>	<p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm g1 khoản 1 Điều 31 và điểm b1 khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau: - Điều 32 Luật Di sản văn hóa về các khu vực bảo vệ di tích, yêu cầu đối với việc xây dựng các công trình tại khu vực bảo vệ I và II . - Công ước UNESCO 1972 quy định về Bảo vệ Di sản văn hóa và Thiên nhiên Thế giới (Công ước UNESCO 1972);</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
			<p>gia và di tích quốc gia đặc biệt phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>Việc xây dựng công trình quy định tại khoản này không được làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của di tích.”.</p> <p>Hướng dẫn thực hiện Công ước UNESCO 1972 quy định về Bảo vệ Di sản văn hóa và Thiên nhiên Thế giới (Công ước UNESCO 1972) quy định:</p> <p>“Điều 99. Việc phân định các đường ranh giới (là khu vực bảo vệ I và II của di tích) là một yêu cầu thiết yếu cho việc thiết lập sự bảo vệ hiệu quả các di sản thế giới.</p> <p>Điều 103, Điều 104. Vùng đệm (là vùng bảo vệ II của di tích) để bảo vệ di sản một cách đầy đủ. Để đáp ứng các mục tiêu bảo vệ có hiệu quả di sản, tạo thêm một lớp bảo vệ cho di sản. Vùng đệm cần phải bao gồm khu vực trực tiếp gắn với di sản, có tầm quan trọng trong việc hỗ trợ di sản và công việc bảo vệ nó”.</p> <p>Điểm e khoản 3 Điều 9 Luật Đất đai quy định về phân loại đất trong đó, đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên là</p>	<p>- Luật Đất đai: Điểm e khoản 3 Điều 9, khoản 6 Điều 60, Điều 79, Điều 144, điểm d khoản 2 Điều 151, khoản 3 Điều 190, Điều 211, điểm a khoản 4 Điều 216.</p> <p>- Luật Bảo vệ môi trường: khoản 3 Điều 5, Điều 6, Điều 20, Điều 21, Điều 27, Điều 28, Điều 31, Điều 32, Điều 66, Điều 65, Điều 114, Điều 118.</p> <p>- Luật Xây dựng: Khoản 1 Điều 10, Điểm b, d khoản 1 Điều 14, Khoản 3 Điều 91.</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
			<p>Đất sử dụng vào mục đích công cộng thuộc nhóm đất phi nông nghiệp.</p> <p>Khoản 6 Điều 60 Luật Đất đai quy định về một trong những nguyên tắc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là sử dụng đất tiết kiệm và có hiệu quả; khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, độ che phủ rừng; bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.</p> <p>Điều 79 Luật Đất đai quy định về việc Nhà nước thu hồi đất trong trường hợp thật cần thiết để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nhằm phát huy nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại, thực hiện chính sách an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và bảo tồn di sản văn hóa trong 32 trường hợp. Trong đó, khoản 14 Điều này quy định: Xây dựng cơ sở văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bao gồm: trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, cung văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc; công trình di tích; công trình có tính biểu trưng, nghệ thuật, cung thiếu nhi, nhà thiếu nhi, trung tâm hoạt động thanh</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
			<p>thiếu nhi, nhà bảo tàng, nhà triển lãm, thư viện, cơ sở sáng tác văn học, cơ sở sáng tác nghệ thuật, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, trụ sở của đoàn nghệ thuật; công trình mở rộng, cải tạo, tu bổ, phục hồi, phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đưa vào danh mục kiểm kê di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; cơ sở văn hóa khác do Nhà nước thành lập hoặc cho phép hoạt động.</p> <p>Điều 144 Luật Đất đai quy định về việc Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.</p> <p>Điểm d khoản 2 Điều 151 Luật Đất đai quy định về việc các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. Theo đó, nhà ở, công trình được xây dựng sau thời điểm công bố cấm xây dựng; xây dựng lấn, chiếm mốc giới bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật, di tích lịch sử - văn hóa đã xếp hạng; tài sản gắn liền với đất được tạo lập từ sau thời điểm quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mà tài sản được tạo lập đó không phù hợp với quy hoạch được duyệt tại thời điểm cấp Giấy</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
			<p>chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng không phải là nhà ở theo quy định tại Điều 148 và Điều 149 của Luật này có giấy phép xây dựng có thời hạn theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p> <p>Điểm a và b khoản 3 Điều 190 Luật Đất đai quy định: Hoạt động lấn biển mà có phần diện tích thuộc một trong các khu vực sau đây thì chỉ được thực hiện khi được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư: a) Khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được công nhận theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; b) Di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p> <p>Điều 211 Luật Đất đai quy định về đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên.</p> <p>Điểm a khoản 4 Điều 216 Luật đất đai quy định việc sử dụng đất xây dựng công trình ngầm phải bảo đảm các yêu cầu sau đây: a) Bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
			<p>Khoản 3 Điều 5 Luật Bảo vệ môi trường quy định: Chú trọng bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; phát triển hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường.</p> <p>Khoản 12 Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường quy định về Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường, trong đó có phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên.</p> <p>Điều 20 và 21 Luật Bảo vệ môi trường quy định về di sản thiên nhiên và nội dung bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên.</p> <p>Điều 27, 28, 31, 32 Luật Bảo vệ môi trường quy định về nội dung đánh giá môi trường chiến lược, Tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư, đánh giá sơ bộ tác động môi trường, Thực hiện đánh giá tác động môi trường, nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó có các nội dung liên quan đến di sản và di tích lịch sử.</p> <p>Điều 65. 66 Luật Bảo vệ môi trường quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải và bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch, trong đó có các nội dung quy định: Việc xây dựng công trình giao thông phải</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
			<p>có giải pháp hạn chế, giảm thiểu các tác động đến địa hình, cảnh quan, địa chất, di sản thiên nhiên. ồ chức, cá nhân quản lý, khai thác khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, địa điểm tập luyện, biểu diễn, thi đấu thể dục, thể thao, đơn vị tổ chức lễ hội phải thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật này. 2. Cá nhân đến khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, địa điểm tập luyện, biểu diễn, thi đấu thể dục, thể thao, địa điểm diễn ra lễ hội phải thực hiện các nghĩa vụ cụ thể...</p> <p>Điều 114 và 118 Luật Bảo vệ môi trường quy định về Thông tin về môi trường và Báo cáo công tác bảo vệ môi trường, trong đó có các nội dung Thông tin về di sản thiên nhiên, hệ sinh thái tự nhiên, loài sinh vật và nguồn gen; khu bảo tồn thiên nhiên và cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; vùng đất ngập nước quan trọng; Nội dung chính của báo cáo công tác bảo vệ môi trường bao gồm Kết quả hoạt động bảo vệ môi trường gồm kiểm soát nguồn ô nhiễm; quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; quản lý chất lượng môi trường đất, nước, không khí; xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
			<p>trường; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học.</p> <p>Khoản 1 Điều 10 Luật Xây dựng quy định về việc khuyến khích hoạt động đầu tư xây dựng nhằm bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo; xây dựng nhà ở xã hội; hoạt động đầu tư xây dựng theo quy hoạch ở miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và vùng chịu ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu.</p> <p>Điểm b, d khoản 1 Điều 14 Luật Xây dựng về yêu cầu đối với quy hoạch xây dựng của các di sản văn hóa.</p> <p>Khoản 3 Điều 91 Luật Xây dựng về điều kiện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình trong đô thị để bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa.</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
2.2.	<i>Về việc đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị khi thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư</i>	<p>6. Bổ sung vào cuối điểm a khoản 3 Điều 33 nội dung như sau:</p> <p>“Đối với quy hoạch đô thị, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu; trường hợp dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch phân khu phải điều chỉnh và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung”.</p>	<p>- Khoản 4 Điều 29 Luật Quy hoạch đô thị quy định: “Đồ án quy hoạch phân khu đã được phê duyệt là cơ sở để xác định các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị và lập quy hoạch chi tiết”.</p>	<p>Đề xuất bổ sung vào cuối điểm a khoản 3 Điều 33 không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau: Khoản 4 Điều 29 Luật Quy hoạch đô thị</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
2.3	<i>Về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư</i>	<p>2. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 18 như sau:</p> <p>“3. Quỹ Hỗ trợ đầu tư</p> <p>a) Chính phủ thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn thu hợp pháp khác để thu hút nhà đầu tư chiến lược, tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ doanh nghiệp trong nước đối với một số ngành, nghề ưu đãi đầu tư.</p> <p>Quỹ Hỗ trợ đầu tư là Quỹ quốc gia được giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, không vì mục tiêu bảo toàn nguồn tài chính của Quỹ. Quỹ Hỗ trợ đầu tư trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hoạt động theo</p>	<p>- Khoản 1 và 2 Điều 18 Luật Đầu tư quy định về việc Nhà nước bỏ chi phí để bù đắp chi phí cho nhà đầu tư trong một số hoạt động như phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;</p> <p>- Nghị quyết số 107/2023/QH15 về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.</p>	<p>Đề xuất bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 18 không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau: Khoản 1 và 2 Điều 18 Luật Đầu tư; Nghị quyết số 107/2023/QH15.</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>mô hình đơn vị sự nghiệp công lập và theo các quy định riêng về tổ chức và cơ chế hoạt động do Chính phủ quy định.</p> <p>b) Quỹ chi trực tiếp bằng tiền để hỗ trợ hạng mục chi phí của Quỹ, bao gồm: chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; chi phí nghiên cứu và phát triển; chi phí đầu tư tạo tài sản cố định; chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao; chi phí đầu tư công trình hạ tầng xã hội; các trường hợp khác do Chính phủ quyết định.</p> <p>Tiền hỗ trợ từ Quỹ không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp.</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>Doanh nghiệp phải bồi hoàn số tiền hỗ trợ chi phí trong các trường hợp không đáp ứng điều kiện hưởng hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.</p> <p>c) Nguồn tài chính của Quỹ bao gồm:</p> <p>Nguồn ngân sách trung ương: bố trí từ nguồn chi đầu tư phát triển khác theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước (tương ứng với toàn bộ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu theo của Quốc hội và nguồn ngân sách trung ương bổ sung theo khả năng cân đối) và bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Bộ Kế hoạch</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>và Đầu tư để chi hoạt động quản lý Quỹ.</p> <p>Các nguồn ngoài ngân sách nhà nước, bao gồm nguồn lãi từ tài khoản tiền gửi; nguồn tồn dư Quỹ hàng năm; nguồn đóng góp, viện trợ và tài trợ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước, ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác.</p> <p>d) Việc lập, giao dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Quỹ do Chính phủ quy định. Trường hợp Quỹ không đủ nguồn tài chính để bảo đảm chi hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ trong năm ngân sách, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp gửi Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ trình cơ</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		quan có thẩm quyền để bổ sung dự toán năm”.		
2.4.	<i>Về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư</i>	<p>8. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 47 như sau:</p> <p>“đ) Nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm, trừ trường hợp không thực hiện theo đúng tiến độ tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.”.</p> <p>9. Bổ sung điểm a1 vào sau điểm a khoản 2 Điều 48 như sau:</p> <p>“a1) Sau 24 tháng kể từ</p>	<p>- Điều 81 Luật Đất đai quy định về các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai, trong đó có trường hợp <i>đất được Nhà nước giao, cho thuê, cho phép chuyển mục đích sử dụng, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư; trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng không quá 24 tháng và phải nộp bổ sung cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian được gia hạn; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất, tài</i></p>	<p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 47 và bổ sung điểm a1 vào sau điểm a khoản 2 Điều 48 không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau: Điều 81 Luật Đất đai; Điểm d khoản 1 Điều 82 Luật Đất đai.</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>thời điểm kết thúc tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư hoặc mục tiêu hoạt động của từng giai đoạn (nếu có) quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh mà nhà đầu tư vẫn không hoàn thành mục tiêu hoạt động này và không thuộc trường hợp được điều chỉnh tiến độ theo quy định, trừ trường hợp bị thu hồi đất quy định tại điểm d</p>	<p><i>sản gắn liền với đất và chi phí đầu tư vào đất còn lại.</i></p> <p>- Điểm d khoản 1 Điều 82 Luật Đất đai quy định về các trường hợp thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, trong đó bao gồm trường hợp thu hồi đất trong trường hợp chấm dứt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		khoản này.”.		
2.5.	<i>Về việc thực hiện thủ tục đầu tư đặc biệt</i>	<p>7. Bổ sung Điều 36a vào sau Điều 36 như sau:</p> <p>“Điều 36 a. Thủ tục đầu tư đặc biệt</p> <p>1. Trừ các dự án đầu tư quy định tại Điều 30 của Luật này, Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục tại Điều này đối với các dự án tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu chức năng trong khu kinh tế sau đây:</p> <p>a) Dự án đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); dự</p>	<p>- Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường về đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường gồm: <i>(i) Dự án đầu tư nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật này; (ii) Dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật này.</i></p> <p>- Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường quy định về đối tượng phải có giấy phép môi trường.</p> <p>- Điều 54, 55, 56, 58, 59 Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi bởi Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020) quy định về thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.</p> <p>- Điều 89 Luật Xây dựng quy định chung về cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>- Điều 91 Luật Xây dựng về điều kiện cấp giấy phép xây dựng</p>	Đề xuất bổ sung Điều 36a vào sau Điều 36 và nguyên tắc áp dụng tại Điều 4 không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau: Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 54, 55, 56, 58, 59 Luật Xây dựng năm 2014, Điều 89 Luật Xây dựng, Điều 91 Luật Xây dựng, Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>án đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip, vật liệu bán dẫn;</p> <p>b) Dự án đầu tư thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>2. Nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án được lựa chọn áp dụng thủ tục đăng ký đầu tư quy định tại khoản 5 Điều này trong trường hợp toàn bộ mục tiêu dự án đáp ứng tiêu chí quy</p>	<p>- Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 50/2024/NĐ-CP quy định về thiết kế và thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>định tại khoản 1 Điều này. Nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư trước khi thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư.</p> <p>3. Hồ sơ đăng ký đầu tư:</p> <p>a) Văn bản đăng ký thực hiện dự án đầu tư, bao gồm cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro trong trường hợp dự án không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; cam kết về việc chấp hành các yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, chuyển giao công nghệ, phòng cháy, chữa cháy và pháp luật có liên quan và giải trình về việc đáp</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>ứng các yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật này;</p> <p>b) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</p> <p>c) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</p> <p>d) Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>án huy động vốn, công nghệ sử dụng, chuyên gia công nghệ (nếu có), địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhận dạng, dự báo các tác động đến môi trường và các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư;</p> <p>Trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án đầu tư tương tự dự án đã được thực hiện ở Việt Nam hoặc nước ngoài thì nhà đầu tư có thể nộp các tài liệu, hồ sơ đã được phê duyệt của dự án đó thay cho đề xuất dự án đầu tư nhưng phải có các nội dung của đề xuất dự án đầu tư quy định tại điểm</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>này.</p> <p>đ) Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;</p> <p>e) Tài liệu về dự án đầu tư tương tự do nhà đầu tư thực hiện ở Việt Nam, nước ngoài và tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có).</p> <p>4. Nội dung đánh giá hồ sơ đăng ký đầu tư</p> <p>a) Dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu chức năng trong khu kinh tế. Trường hợp</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập quy hoạch phân khu thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung;</p> <p>c) Tư cách pháp lý và kinh nghiệm của nhà đầu tư;</p> <p>d) Nhu cầu sử dụng đất (nếu có);</p> <p>đ) Tiến độ thực hiện dự án;</p> <p>e) Nội dung cam kết của nhà đầu tư;</p> <p>g) Ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có).</p> <p>5. Thủ tục đăng ký đầu tư</p> <p>a) Hồ sơ đăng ký được gửi cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.</p> <p>b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế đánh giá hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>6. Dự án đăng ký đầu tư theo quy định của Điều này không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư; thủ tục thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p> <p>Dự án đầu tư có cấu phần xây dựng được miễn Giấy phép xây dựng, không phải lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng và không phải thực hiện các thủ tục để được cấp giấy phép, phê duyệt, chấp thuận, cho phép, xác nhận và các yêu cầu khác thuộc các lĩnh vực xây dựng, phòng cháy, chữa cháy.</p> <p>7. Nhà đầu tư thực hiện thủ tục cấp Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p> <p>8. Chậm nhất là 30 ngày trước khi khởi công xây dựng, nhà đầu tư gửi cơ quan quản lý nhà nước về</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>hoạt động đầu tư xây dựng tại địa phương theo phân cấp hoặc ủy quyền, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế văn bản thông báo khởi công và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; Bản vẽ và bản thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công thể hiện những nội dung yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy. Nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do nhà đầu tư lập, phê duyệt.</p> <p>9. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là cơ sở để thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các thủ tục hành chính liên quan đến dự án đầu tư.</p> <p>10. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, cam kết của nhà đầu tư và các hồ sơ, tài liệu liên quan theo quy định tại Điều này là cơ sở để thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá, xử lý vi phạm hành chính và các hoạt động quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư về đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường,</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>sử dụng và chuyển giao công nghệ, phòng cháy, chữa cháy.</p> <p>Việc triển khai thực hiện dự án đầu tư phải tuân thủ các quy định của Luật này, pháp luật về quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng, lao động, phòng cháy, chữa cháy và quy định của pháp luật có liên quan, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p> <p>Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các cam kết về xây dựng, bảo vệ môi trường, chuyển giao công nghệ và phòng cháy, chữa cháy và chịu trách nhiệm về việc không thực hiện đúng cam kết của</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>minh.</p> <p>Trường hợp nhà đầu tư không đáp ứng các yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã cam kết thì bị xem xét xử lý vi phạm hành chính, ngừng, chấm dứt hoạt động và các hình thức khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Điều 47, Điều 48 của Luật này và pháp luật có liên quan.</p> <p>11. Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và cam kết của nhà đầu tư; phối hợp với các cơ quan nhà</p>		

STT	NHÓM VĂN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>nước có thẩm quyền hoặc thực hiện theo ủy quyền hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện cam kết của nhà đầu tư về xây dựng, bảo vệ môi trường, chuyển giao công nghệ, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.</p> <p>12. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của Điều này.</p>		
3.	Về nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư theo phương thức			

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
	đôi tác công tư			
3.1.	<i>Về lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư</i>	<p>“Điều 4. Lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP và phân loại dự án PPP</p> <p>1. Đầu tư theo phương thức PPP được áp dụng cho tất cả các lĩnh vực đầu tư công nhằm mục đích cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Dự án thuộc trường hợp Nhà nước độc quyền theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;</p> <p>b) Dự án thuộc lĩnh vực</p>	<p>- Luật Thủ đô (khoản 1 Điều 39), Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Tp. Hồ Chí Minh (điểm a khoản 5 Điều 4), Nghị quyết số 136/2024/QH15 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng (điểm a khoản 2 Điều 9), Nghị quyết số 137/2024/QH15 ngày 26/6/2024 về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An (điểm a khoản 3 Điều 4) bổ sung lĩnh vực văn hóa, thể thao thực hiện theo phương thức PPP.</p> <p>- Luật Tài nguyên nước (khoản 4 Điều 84) bổ sung lĩnh vực phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước thực hiện theo phương thức PPP.</p>	<p>Các quy định tại dự thảo Luật nhằm đồng bộ hóa với các quy định tại pháp luật hiện hành. Do vậy, không có mâu thuẫn, chồng chéo.</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		quốc phòng; an ninh và trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật đầu tư công.”	- Nghị quyết số 136/2024/QH15 (điểm a khoản 2 Điều 9) bổ sung lĩnh vực hạ tầng chợ thực hiện theo phương thức PPP.	
3.2.	<i>Về quy mô vốn đầu tư tối thiểu để thực hiện dự án PPP</i>	Bãi bỏ quy định về quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu tại khoản 2 Điều 4	<p>- Luật Thủ đô (khoản 1 Điều 39) quy định quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo.</p> <p>- Nghị quyết số 98/2023/QH15 (điểm b khoản 5 Điều 4), Nghị quyết số 136/2024/QH15 (điểm b khoản 2 Điều 9), Nghị quyết số 137/2024/QH15 (điểm b khoản 3 Điều 4) quy định quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao và văn hóa do Hội đồng nhân dân tỉnh/Thành phố quy định.</p>	Các quy định tại dự thảo Luật nhằm đồng bộ hóa với các quy định tại pháp luật hiện hành. Do vậy, không có mâu thuẫn, chồng chéo.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
3.3.	<i>Về loại hợp đồng BT</i>	<p>- Bổ sung khoản 2c vào sau khoản 2b Điều 11 như sau:</p> <p>“2c. Đối với dự án PPP áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán, quy trình dự án PPP được quy định như sau:</p> <p>a) Nhà đầu tư đề xuất dự án tổ chức lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, dự thảo hợp đồng;</p> <p>b) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án và dự thảo hợp đồng; công bố dự án;</p> <p>c) Thành lập doanh nghiệp dự án PPP theo đề</p>	<p>Hiện nay, Quốc hội đã cho phép 03 địa phương được thí điểm triển khai loại hợp đồng BT, gồm: Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hà Nội và Nghệ An. Tuy nhiên, cách thức áp dụng còn chưa thống nhất, tùy thuộc vào điều kiện đặc thù của từng địa phương, cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 98/2023/QH15: Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (sử dụng ngân sách Thành phố). - Nghị quyết số 137/2024/QH15: Nghệ An được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (sử dụng ngân sách nhà nước hoặc tiền thu từ đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất). - Luật Thủ đô: Thành phố Hà Nội được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (ngân sách thành phố) hoặc thanh toán bằng quỹ đất. - Luật Đất đai: Hợp đồng BT thanh toán cho nhà đầu tư bằng quỹ đất. Cơ quan có thẩm quyền xác định cụ thể công trình BT và quỹ đất dự kiến thanh toán (về diện tích, về giá trị) tại các thời điểm lập 	<p>Dự thảo Luật sẽ quy định pháp luật áp dụng đối với các chính sách cụ thể, bảo đảm không chồng chéo, mâu thuẫn với chính sách tương tự tại Luật Thủ đô và các Nghị quyết đặc thù của Quốc hội.</p> <p>Để có cơ sở pháp lý sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý theo quy định tại Điều 217 Luật Đất đai năm 2024 để thanh toán cho nhà đầu tư, cần sửa đổi Luật Đất đai để bổ sung trường hợp giao đất cho nhà đầu tư dự án BT thuộc trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu.</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>xuất của nhà đầu tư và ký kết hợp đồng dự án PPP;</p> <p>d) Triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP.”</p> <p>- Bổ sung khoản 2b vào sau khoản 2b Điều 19 như sau:</p> <p>“2b. Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán, nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.”</p> <p>- Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 45 như sau:</p>	<p>báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, hồ sơ mời thầu và ký kết hợp đồng. Quỹ đất được sử dụng phải thuộc diện thu hồi đất theo Điều 79 Luật Đất đai năm 2024 hoặc do Nhà nước quản lý theo Điều 217 Luật Đất đai năm 2024.</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>“2a. Hợp đồng BT là hợp đồng được ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án (nếu có) để xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng (sau đây gọi chung là công trình BT) và chuyển giao công trình BT cho cơ quan có thẩm quyền sau khi hoàn thành. Việc thanh toán cho nhà đầu tư được thực hiện theo một trong các hình thức sau:</p> <p>a) Bằng quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý hoặc được thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai;</p>		

STT	NHÓM VĂN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>b) Bảng ngân sách nhà nước;</p> <p>c) Không yêu cầu thanh toán.</p> <p>Chính phủ quy định chi tiết khoản này.”</p> <p>- Bổ sung Điều 45a vào sau Điều 45 như sau:</p> <p>“Điều 45a. Cơ chế hợp đồng BT</p> <p>1. Hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý hoặc được thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai</p> <p>a) Cơ quan có thẩm quyền xác định công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng áp dụng loại hợp</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>đồng BT (sau đây gọi là công trình BT) và quỹ đất dự kiến thanh toán để lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế kỹ thuật đối với công trình BT;</p> <p>b) Tổng mức đầu tư công trình BT được xác định căn cứ thiết kế kỹ thuật. Quỹ đất dự kiến thanh toán cho nhà đầu tư là đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý hoặc được thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai. Vị trí, diện tích và giá trị quỹ đất dự kiến thanh toán phải được xác định tại báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p> nghiên cứu khả thi, hợp đồng dự án, bảo đảm công trình BT và quỹ đất dự kiến thanh toán có giá trị tương đương ở từng thời điểm;</p> <p>c) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lựa chọn nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại để đồng thời thực hiện đầu tư xây dựng công trình BT và dự án được thực hiện trên quỹ đất thanh toán;</p> <p>d) Nhà đầu tư được giao đất thực hiện dự án đối ứng sau khi đã khởi công, hoàn thành tối thiểu 50%</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>giá trị công trình BT, hoàn thành trách nhiệm ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của quỹ đất thực hiện công trình BT và quỹ đất dự kiến thanh toán (nếu áp dụng) theo quy định tại hợp đồng BT. Việc thanh toán được thực hiện theo cơ chế bù trừ chênh lệch giữa giá trị công trình BT và giá trị quỹ đất thanh toán;</p> <p>đ) Dự án đối ứng có sử dụng đất chỉ được kinh doanh, khai thác sau khi công trình thực hiện theo hợp đồng BT đã hoàn thành và chuyển giao cho</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>cơ quan có thẩm quyền để tổ chức khai thác.</p> <p>2. Hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước</p> <p>a) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế kỹ thuật để xác định tổng mức đầu tư của công trình BT; nguồn, tiến độ thanh toán ngân sách nhà nước cho nhà đầu tư và các nội dung cần thiết khác;</p> <p>b) Tổng mức đầu tư công trình BT được xác định theo quy định của pháp luật về xây dựng và chi phí lãi vay sau thời gian</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>xây dựng, lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Nguồn vốn thanh toán được cân đối, bố trí từ nguồn vốn đầu tư công hoặc từ nguồn ngân sách nhà nước thu được sau đấu giá quỹ đất, tài sản công;</p> <p>c) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lựa chọn nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật và yêu cầu về tài chính để đầu tư, xây dựng công trình;</p> <p>d) Nhà đầu tư được thanh toán sau khi toàn bộ công trình BT hoặc hạng mục</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>công trình BT được nghiệm thu hoàn thành theo quy định của pháp luật về xây dựng;</p> <p>đ) Trường hợp sử dụng vốn đầu tư công để thanh toán cho nhà đầu tư dự án BT, trình tự, thủ tục cân đối, bố trí vốn đầu tư công thực hiện theo pháp luật về đầu tư công nhưng bảo đảm thời hạn thanh toán không vượt quá thời gian xây dựng công trình dự án BT;</p> <p>e) Trường hợp sử dụng nguồn ngân sách nhà nước thu được sau đấu giá quỹ đất, tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư dự án BT, quỹ đất,</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>tài sản công dự kiến đấu giá phải được xác định cụ thể tại báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, hồ sơ mời thầu và hợp đồng dự án. Trình tự, thủ tục thanh toán, ghi thu, ghi chi thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>3. Hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán</p> <p>a) Dự án do nhà đầu tư đề xuất phải được tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, ký kết hợp đồng dự án theo quy định của Luật này và pháp luật về xây dựng;</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>b) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức giám sát quá trình xây dựng, thi công công trình, nghiệm thu công trình hoàn thành theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công;</p> <p>c) Sau khi hoàn thành xây dựng công trình, nhà đầu tư chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền mà không yêu cầu thanh toán chi phí đầu tư xây dựng.</p> <p>4. Đối với công trình BT có yêu cầu năng lực, kinh nghiệm, kỹ năng quản lý, vận hành, bảo dưỡng của nhà đầu tư, tùy điều kiện</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>cụ thể của từng địa phương, cơ quan có thẩm quyền được áp dụng kết hợp loại hợp đồng BT quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này với các loại hợp đồng khác theo quy định tại khoản 3 Điều 45 của Luật này để yêu cầu nhà đầu tư quản lý, vận hành, bảo dưỡng công trình BT sau khi hoàn thành xây dựng công trình.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết điều này.”.</p>		
3.4.	<i>Về việc áp dụng hợp đồng BOT đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở</i>	“4. Dự án PPP quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 của Luật này được áp dụng loại hợp đồng thông qua cơ chế thu phí trực	- Luật Đường bộ (điểm a khoản 3 Điều 84) sửa đổi khoản 4 Điều 45 Luật PPP như sau: đối với dự án quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 của Luật PPP (dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa, vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở	Quy định tại dự thảo Luật mở rộng các trường hợp hơn do với các nội dung sửa đổi Luật PPP tại Luật Đường bộ.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
	<i>rộng công trình hiện hữu</i>	<p>tiếp từ người sử dụng, trừ các công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng cần đáp ứng điều kiện cụ thể như sau:</p> <p>a) Đối với đường bộ cao tốc sẵn có hoặc đường bộ đang khai thác được cải tạo, nâng cấp thành đường cao tốc, phải bảo đảm quyền lựa chọn của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật về đường bộ;</p> <p>b) Đối với công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng có tác động trực tiếp tới cộng đồng dân cư, cá nhân sinh sống, sản xuất, kinh doanh tại khu vực thực hiện công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, phải được</p>	<p>hạ tầng sẵn có), không áp dụng loại hợp đồng thông qua cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng, trừ trường hợp cải tạo, nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa, vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ cao tốc sẵn có hoặc đường bộ đang khai thác được cải tạo, nâng cấp thành đường cao tốc nhưng phải bảo đảm quyền lựa chọn của người sử dụng dịch vụ.</p>	<p>Do vậy, không có mâu thuẫn, chồng chéo.</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		đánh giá tác động, lấy ý kiến rộng rãi đối tượng bị tác động bởi dự án thông qua Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh nơi thực hiện dự án, hiệp hội nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực đầu tư trước khi phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư.”.		
3.5.	<i>Về tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP</i>	“2. Tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án. Cơ quan có thẩm quyền báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2a	- Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ (Điều 2) quy định cho phép tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được vượt quá 50% tổng mức đầu tư đối với 02 dự án theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này. - Luật Đường bộ (điểm c khoản 3 Điều 84) sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 70 Luật PPP	Quy định tại dự thảo Luật mở rộng các trường hợp hơn do với các nội dung sửa đổi Luật PPP tại Luật Đường bộ. Do vậy, không có mâu thuẫn, chồng chéo.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>Điều này cho phép áp dụng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP cao hơn 50% nhưng không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án trong trường hợp dự án PPP đáp ứng một hoặc các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Dự án có chi phí quy định tại điểm c khoản 1 Điều này vượt quá 50% tổng mức đầu tư;</p> <p>b) Được thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;</p> <p>c) Có phương án tài chính không khả thi nhưng cần thiết đầu tư dự</p>	<p>như sau: Giá trị tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p>Đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa, vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ cao tốc sẵn có hoặc đường bộ đang khai thác được cải tạo, nâng cấp thành đường cao tốc, không tính giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ hiện hữu vào tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án.</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		án đề thu hút khu vực tư nhân nhằm tiếp nhận chuyển giao công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, chuyển giao công nghệ.”		
3.6.	<i>Về nguồn vốn thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 69 như sau: “d) Chi trả phần giảm doanh thu, chi phí chi trả chi phí bồi thường chấm dứt hợp đồng trước thời hạn;” - Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 52 như sau: 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư công (khoản 4 Điều 5) quy định đối tượng đầu tư công gồm đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư. - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (Mục 4) quy định về việc đầu tư vốn nhà nước để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp. 	Các quy định tại dự thảo Luật nhằm đồng bộ hóa với các quy định tại pháp luật hiện hành. Do vậy, không có mâu thuẫn, chồng chéo.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>“2a. Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được chi trả chi phí trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn sau đây:</p> <p>a) Trường hợp quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều này và các bên hợp đồng xác định thuộc trách nhiệm chi trả của cơ quan ký kết hợp đồng;</p> <p>b) Trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này do lỗi của cơ quan ký kết hợp đồng.</p> <p>Chi phí chi trả bồi thường chấm dứt hợp đồng trước thời hạn cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP phải được kiểm toán độc lập do cơ quan ký kết hợp</p>		

STT	NHÓM VĂN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>đồng thuê thực hiện kiểm toán”;</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:</p> <p>“6. Trường hợp hợp đồng dự án PPP được chấm dứt trước thời hạn theo quy định tại khoản 2a Điều này, kinh phí mua lại doanh nghiệp dự án PPP hoặc bồi thường chấm dứt hợp đồng được bố trí từ vốn nhà nước theo quy định của pháp luật. Trường hợp chấm dứt do lỗi của nhà đầu tư quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này thì nhà đầu tư có trách nhiệm chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp cho nhà đầu tư thay</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>thế.”;</p> <p>c) Bổ sung khoản 6a như sau:</p> <p>“6a. Trường hợp sử dụng vốn đầu tư công để bồi thường chấm dứt hợp đồng PPP trước thời hạn, trình tự, thủ tục chi trả cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án thực hiện theo một trong các trường hợp như sau:</p> <p>a) Trường hợp dự án bị chấm dứt trong giai đoạn xây dựng, căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều 89, khoản 2 Điều 93, khoản 3 Điều 94 của Luật này, cơ quan có thẩm quyền hình thành dự</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>án sử dụng vốn đầu tư công gồm chi phí đầu tư xây dựng phần công trình còn lại và chi phí bồi thường chấm dứt hợp đồng cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án theo quy định tại khoản này thực hiện theo pháp luật về đầu tư công;</p> <p>b) Trường dự án bị chấm dứt trong giai đoạn vận hành, kinh doanh, căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều 89, khoản 2 Điều 93, khoản 3 Điều 94 của Luật này, cơ quan có thẩm quyền báo</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		cáo cấp có thẩm quyền đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm hoặc bổ sung bổ sung dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước. Trình tự, thủ tục các hoạt động quy định tại khoản này theo quy định tương ứng đối với từng nguồn vốn tại pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước.”.		
3.7.	<i>Về nguồn vốn thanh toán trong trường</i>	Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 82 như sau:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Ngân sách nhà nước - Luật Đầu tư công (Điều 57 và Điều 58) quy định nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án, dự kiến mức 	Không có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
	<i>hợp chia sẽ giảm doanh thu</i>	<p>“3. Cơ chế chia sẽ phần giảm doanh thu quy định tại khoản 2 Điều này phải được xác định tại quyết định chủ trương đầu tư. Chi phí xử lý cơ chế chia sẽ phần giảm doanh thu phải được quy định tại hợp đồng dự án và được chi trả từ một hoặc các nguồn vốn sau đây:</p> <p>a) Dự phòng ngân sách trung ương và dự phòng ngân sách địa phương hằng năm cho chi đầu tư phát triển. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt dự án sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách trung ương hằng năm cho chi đầu tư phát triển thực</p>	vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước và ngân sách địa phương, trong đó có vốn ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm gồm vốn ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước.	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công;</p> <p>b) Dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương và dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt dự án sử dụng nguồn dự phòng quy định tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công;</p> <p>c) Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách trung ương và tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách địa phương dành cho chi đầu tư phát triển. Trình tự,</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		thủ tục lập, phê duyệt dự án sử dụng nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách trung ương cho chi đầu tư phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.		
3.8.	<i>Về việc thực hiện đối với dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền</i>	Sửa đổi khoản 4 Điều 12 như sau: “4. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc phạm vi quản lý của địa phương, dự án PPP quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật này được Thủ tướng Chính phủ giao địa phương làm cơ	Hiện nay, dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi) dự kiến sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công. Việc sửa đổi quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP để bảo đảm đồng bộ với pháp luật về đầu tư công.	Không có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		quan có thẩm quyền, trừ dự án quy định tại khoản 1, 2 và 4a Điều này.”		
3.9.	<i>Về thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ</i>	Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 1 Điều 6 như sau: “b) Hội đồng thẩm định liên ngành thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; c) Hội đồng thẩm định cấp cơ sở thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; báo	Nội dung này chỉ có trong pháp luật về PPP.	Không có mẫu thuẫn, chồng chéo với pháp luật khác.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, trừ trường hợp nhiệm vụ thẩm định được giao cho đơn vị trực thuộc cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này.”.		
3.10	<i>Về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 12 như sau: “a) Sử dụng vốn đầu tư công từ 30.000 tỷ đồng trở lên;”; - Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 12 như sau: 	Điều 12 Luật PPP quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP theo hướng đồng bộ, thống nhất với quy định tại pháp luật về đầu tư công. Hiện nay, Luật Đầu tư công đang được sửa đổi, bổ sung theo tinh thần phân cấp triệt để cho địa phương (ví dụ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà được Thủ tướng	Không có mâu thuẫn, chồng chéo với pháp luật đầu tư công.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>“b) Dự án có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công sử dụng vốn đầu tư công từ 10.000 tỷ đồng trở lên từ một hoặc một số nguồn vốn sau: vốn ngân sách trung ương do Bộ, cơ quan trung ương quản lý; vốn vay ODA; vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; dự án áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng nguồn ngân sách nhà nước thu được sau đấu giá quỹ đất, tài sản công đối với quỹ đất, tài sản công thuộc trung ương quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 tỷ đồng trở lên;”;</p>	<p>Chính phủ giao làm cơ quan có thẩm quyền được quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc phạm vi quản lý của nhiều địa phương).</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>- Sửa đổi khoản 3 Điều 12 như sau:</p> <p>“3. Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP sau đây:</p> <p>a) Dự án thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, trừ dự án quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Dự án áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng nguồn ngân sách nhà nước thu được sau đấu giá quỹ đất, tài sản công đối với quỹ đất, tài sản công có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 tỷ đồng thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>trung ương, cơ quan khác.”.</p> <p>- Sửa đổi khoản 4 Điều 12 như sau:</p> <p>“4. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc phạm vi quản lý của địa phương có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công, trừ dự án quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.”.</p> <p>- Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 12 như sau:</p> <p>“4a. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP sau đây:</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>a) Dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ dự án quy định tại khoản 1, 2 và 4 Điều này;</p> <p>b) Dự án quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật này được Thủ tướng Chính phủ giao địa phương mình làm cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>c) Dự án áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng nguồn ngân sách nhà nước thu được sau đấu giá quỹ đất, tài sản công đối với quỹ đất, tài sản công có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 tỷ đồng thuộc phạm vi quản lý của địa phương.”.</p>		
3.11.	<i>Về việc thực hiện các thủ</i>	- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 19 như sau:	Nội dung này chỉ có trong pháp luật về PPP.	Không có mâu thuẫn, chồng chéo với pháp luật khác.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
	<i>tục trong quá trình chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng và triển khai dự án sau khi ký kết hợp đồng</i>	<p>“1. Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu khả thi theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này. Việc lập báo cáo nghiên cứu khả thi có thể được thực hiện trong quá trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng phải bảo đảm việc phê duyệt dự án được thực hiện căn cứ quyết định chủ trương đầu tư.”;</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 như sau:</p> <p>“2. Căn cứ điều kiện cụ thể từng dự án, cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện đồng thời một số nội dung sau:</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>a) Lựa chọn danh sách ngân hàng trong quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi căn cứ quyết định chủ trương đầu tư;</p> <p>b) Tổ chức lập hồ sơ mời thầu trong quá trình chuẩn bị dự án quy định tại Chương II Luật này nhưng phải bảo đảm việc phê duyệt hồ sơ mời thầu được thực hiện căn cứ quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án.”</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 như sau:</p> <p>“2. Căn cứ điều kiện cụ thể từng dự án, cơ quan có thẩm quyền tổ chức</p>		

STT	NHÓM VĂN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>thực hiện đồng thời một số nội dung sau:</p> <p>a) Lựa chọn danh sách ngân hàng trong quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi căn cứ quyết định chủ trương đầu tư;</p> <p>b) Tổ chức lập hồ sơ mời thầu trong quá trình chuẩn bị dự án quy định tại Chương II Luật này nhưng phải bảo đảm việc phê duyệt hồ sơ mời thầu được thực hiện căn cứ quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án.”</p>		
3.12	<i>Về việc đơn giản hoá thủ tục trong quá trình chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu</i>	<p>Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 19 như sau:</p> <p>“6. Đơn vị chuẩn bị dự án tổ chức đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ</p>	<p>- Theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường do chủ dự án đầu tư tự thực hiện hoặc thông qua đơn vị tư vấn có đủ điều kiện thực hiện. Đánh giá tác động môi trường được thực hiện đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu</p>	<p>Không có mẫu thuẫn, chồng chéo với pháp luật về bảo vệ môi trường</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
	<i>tư nhằm rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư</i>	môi trường. Báo cáo đánh giá tác động môi trường là một trong các nội dung trong báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP. Nhà đầu tư trúng thầu, doanh nghiệp dự án PPP không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường khi triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP.”.	khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án. Do vậy, Điều 19 Luật PPP được sửa đổi, bổ sung theo hướng cho phép dự án PPP đã được đánh giá tác động môi trường ở báo cáo nghiên cứu khả thi thì nhà đầu tư trúng thầu, doanh nghiệp dự án PPP không cần đánh giá lại khi triển khai hợp đồng dự án.	
3.13.	<i>Về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng O&M</i>	- Bổ sung khoản 2b vào sau khoản 2a Điều 11 như sau: “2b. Đối với dự án PPP áp dụng loại hợp đồng O&M, quy trình dự án PPP được quy định như sau: a) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi,	Nội dung này chỉ có trong pháp luật về PPP.	Không có mâu thuẫn, chồng chéo với pháp luật khác.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>phê duyệt dự án, công bố dự án;</p> <p>b) Lựa chọn nhà đầu tư;</p> <p>c) Thành lập doanh nghiệp dự án PPP và ký kết hợp đồng dự án PPP;</p> <p>d) Triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP.”;</p> <p>- Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 19 như sau:</p> <p>“2a. Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, báo cáo nghiên cứu khả thi bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Sự cần thiết đầu tư; lợi thế đầu tư theo phương thức PPP so với các hình</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>thức đầu tư khác; tác động của việc thực hiện dự án theo phương thức PPP đối với cộng đồng dân cư trong phạm vi dự án trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh nơi thực hiện dự án, hiệp hội nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực đầu tư;</p> <p>b) Mục tiêu; địa điểm; đánh giá hiện trạng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hiện hữu và máy móc, thiết bị của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>c) Thuyết minh yêu cầu về phương án tổ chức quản lý, vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; yêu cầu về chất lượng sản phẩm, dịch vụ công;</p> <p>d) Thông tin hợp đồng dự án gồm: thời hạn hợp đồng; phân tích rủi ro và biện pháp quản lý rủi ro của dự án;</p> <p>đ) Các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư;</p> <p>e) Tổng mức đầu tư; phương án tài chính của dự án; kết quả khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư; khả năng huy động vốn để thực hiện dự án;</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		g) Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.”;		
3.14.	<i>Về thanh toán, quyết toán phần lãi vay sau giai đoạn xây dựng đối với các dự án BT thanh toán bằng tiền</i>	<p>Bổ sung điểm e vào sau điểm d khoản 5 Điều 101 như sau:</p> <p>“e) Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng tiền được ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trường hợp hợp đồng dự án đã xác định chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý trong phương án tài chính và các khoản chi phí này đã được kiểm toán độc lập do cơ quan có thẩm quyền thuê thực</p>	<p>Theo quy định tại khoản 2 Điều 134 Luật Xây dựng, nội dung tổng mức đầu tư xây dựng gồm chi phí xây dựng, thiết bị, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và trượt giá; không bao gồm các khoản chi phí phát sinh sau thời gian xây dựng (như chi phí lãi vay chờ thanh toán, lợi nhuận của nhà đầu tư được tính từ khi dự án hoàn thành...).</p> <p>Hiện nay, một số hợp đồng BT thanh toán bằng tiền do Bộ Giao thông vận tải và một số địa phương làm cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được ký kết trong giai đoạn Nghị định số 108/2009/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đang gặp vướng mắc trong việc thanh toán, quyết toán do các quy định nêu trên của Luật Xây dựng và Nghị định số 99/2021/NĐ-CP chỉ áp dụng đối với việc thanh toán, quyết toán các chi phí trong thời gian</p>	<p>Quy định này được sửa đổi, bổ sung để quy định riêng cho dự án áp dụng loại hợp đồng BT, bảo đảm không chồng chéo với pháp luật về xây dựng.</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		hiện kiểm toán, thì các khoản này được tính vào tổng mức đầu tư dự án để thực hiện thanh toán mà không cần phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.”	xây dựng. Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 101 Luật PPP theo hướng quy định rõ đối với Hợp đồng dự án BT thanh toán bằng tiền ký kết trước thời điểm Luật này có hiệu lực thì hành mà chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý được xác định trong phương án tài chính tại hợp đồng dự án thì được tính vào tổng mức đầu tư của dự án để thực hiện thanh toán.	
3.15.	<i>Về việc áp dụng Luật PPP đối với dự án đã ký kết hợp đồng trước thời điểm Luật PPP</i>	Sửa đổi khoản 4 Điều 101 như sau: “4. Hợp đồng dự án được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thì hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp	Nội dung này chỉ có trong pháp luật về PPP.	Không có mẫu thuẫn, chồng chéo với pháp luật khác.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
	<i>có hiệu lực thi hành</i>	đồng dự án. Trường hợp pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án không có quy định thì thực hiện theo quy định của Luật này.”;		
3.16.	<i>Về việc thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp hợp đồng BT đã được ký kết nhưng có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký hợp</i>	- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 Điều 101 như sau: “c) Đối với Hợp đồng dự án BT thanh toán bằng quỹ đất, tài sản công đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước kết luận là phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực tương ứng trong từng thời kỳ thì tiếp tục	Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 69/2019/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 3 Điều 90 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP) quy định chuyển tiếp đối với dự án được ký kết theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng.	Chính sách này không mâu thuẫn, chồng chéo với quy định của pháp luật có liên quan.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
	<i>đồng</i>	<p>được thực hiện dự án và thanh toán theo quy định của hợp đồng dự án BT đã ký kết;”;</p> <p>- Bổ sung điểm c1 vào sau điểm c khoản 5 Điều 101 như sau:</p> <p>“c1) Đối với Hợp đồng dự án BT thanh toán bằng quỹ đất, tài sản công đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước kết luận là có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực tương ứng trong từng thời kỳ, đã thi hành quyết định xử phạt hành chính và thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của pháp</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>luật về xử lý vi phạm hành chính, thì thực hiện chuyển tiếp theo một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>Trường hợp nhà đầu tư chưa xây dựng công trình BT thì chấm dứt hợp đồng dự án BT.</p> <p>Trường hợp nhà đầu tư đã xây dựng công trình BT nhưng chưa được giao quỹ đất thanh toán thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền thỏa thuận với nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung hợp đồng theo một trong hai phương án sau:</p> <p>- Thanh toán cho nhà đầu tư phần giá trị quỹ đất bằng phần giá trị của</p>		

STT	NHÓM VĂN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>công trình BT đã được quyết toán hoàn thành; phần diện tích đất của phần giá trị chênh lệch tăng giữa giá trị quỹ đất thanh toán và giá trị công trình BT được quyết toán hoàn thành (nếu có) thì không được thanh toán;</p> <p>- Trường hợp không tách được quỹ đất thanh toán, thực hiện bán quỹ đất thanh toán BT bằng hình thức đấu giá quyền sử dụng đất và thực hiện thanh toán Hợp đồng BT bằng số tiền thu được từ bán quỹ đất theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trường hợp nhà đầu tư đã xây dựng công trình</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>trên quỹ đất dự kiến thanh toán BT thì thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thỏa thuận với nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung hợp đồng để tiếp tục thực hiện dự án và thanh toán cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật tại thời điểm sửa đổi, bổ sung hợp đồng. - Trường hợp không thể sửa đổi nội dung chưa phù hợp của hợp đồng BT đã ký kết hoặc không thể thỏa thuận với nhà đầu tư để sửa đổi, bổ sung hợp đồng, cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận chấm dứt hợp đồng 		

STT	NHÓM VĂN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		trước thời hạn với nhà đầu tư.”;		
4.	Về nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Đấu thầu			
4.1.	<i>Về một số hoạt động đấu thầu được thực hiện trước khi dự án, điều ước quốc tế được phê duyệt, ký kết (đấu thầu trước)</i>	Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau: “Điều 42. Đấu thầu trước <i>1. Đấu thầu trước là việc thực hiện trước một số thủ tục trước khi điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài được ký kết đối với dự án sử</i>	- Luật Đầu tư công <i>Điều 4. Giải thích từ ngữ</i> ... <i>16. Hoạt động đầu tư công bao gồm lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định chương trình, dự án đầu tư công; lập, thẩm định, phê duyệt, giao, triển khai thực hiện kế hoạch, dự án đầu tư công; quản lý, sử</i>	Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 42 không có mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau: khoản 21 Điều 3 Luật Xây dựng, khoản 16

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p><i>dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài hoặc trước khi dự án được phê duyệt đầu tư nhằm mục đích đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, không bao gồm các gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án.</i></p> <p><i>2. Chủ đầu tư, người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án có thể hình thành gói thầu bao gồm một hoặc một số công việc: khảo sát xây dựng, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, lập quy hoạch chi tiết xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo</i></p>	<p><i>dụng vốn đầu tư công; nghiệm thu, bàn giao chương trình, quyết toán dự án đầu tư công; theo dõi và đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công.</i></p> <p><i>- Luật Xây dựng</i></p> <p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p><i>21. Hoạt động xây dựng gồm lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát xây dựng, quản lý dự án, lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng và hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình.</i></p> <p><i>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng</i></p> <p><i>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</i></p> <p><i>Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa</i></p>	<p>Điều 4 Luật Đầu tư công, Điều 1 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, Điều 14 Luật Điều ước quốc tế, Điều 3 Luật Thỏa thuận quốc tế.</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p><i>cáo kinh tế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công để tổ chức lựa chọn nhà thầu. Các công việc lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công chỉ được thực hiện sau khi dự án được phê duyệt.</i></p> <p><i>3. Các gói thầu có thể thực hiện đấu thầu trước:</i></p> <p><i>a) Gói thầu mua sắm hàng hóa đã xác định rõ phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật;</i></p> <p><i>b) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp</i></p>	<p><i>đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 (sau đây gọi tắt là Luật số 62/2020/QH14) về quản lý dự án đầu tư xây dựng, gồm: lập, thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng; khảo sát xây dựng; cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng; xây dựng công trình đặc thù và thực hiện dự án đầu tư xây dựng tại nước ngoài; quản lý năng lực hoạt động xây dựng; hình thức quản lý dự án đầu tư xây dựng.</i></p> <p>Như vậy, Luật Đầu tư công và Luật Xây dựng đều có quy định về các hoạt động thuộc dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng. Tuy nhiên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận thấy 02 Luật này chỉ quy định về việc lập, thẩm định và phê duyệt dự án mà không quy định về các hoạt động được thực hiện trước khi phê duyệt dự án, do đó việc cho phép thực hiện trước các hoạt động lựa chọn nhà thầu như tại dự thảo Luật sẽ không gây mâu thuẫn, chồng chéo với 02 Luật này.</p> <p>- Ngoài ra, theo quy định tại Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p><i>phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời công trình hạ tầng, kỹ thuật, rà phá bom mìn, vật nổ, quy hoạch, tái định cư;</i></p> <p><i>c) Gói thầu tư vấn quản lý dự án cho các phần công việc thực hiện sau khi dự án được phê duyệt, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công;</i></p> <p><i>d) Gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài có yêu cầu đấu thầu trước theo quy định ràng buộc của nhà tài trợ.</i></p> <p>4. Đối với gói thầu quy định tại khoản 3 Điều</p>	<p>Điều 14. Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến về việc ký điều ước quốc tế</p> <p><i>1. Trước khi quyết định ký điều ước quốc tế có quy định khác hoặc chưa được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, quy định trái pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc điều ước quốc tế mà việc thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cơ quan có thẩm quyền quyết định ký điều ước quốc tế quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 của Luật này trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến. Quy định này không áp dụng trong trường hợp điều ước quốc tế thuộc thẩm quyền phê chuẩn của Quốc hội quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này.</i></p> <p><i>2. Căn cứ vào ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ quyết định ký điều ước quốc tế đó.</i></p> <p>- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14</p>	

STT	NHÓM VĂN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>này, các thủ tục được thực hiện trước khi dự án được phê duyệt hoặc trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài bao gồm:</p> <p>a) Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;</p> <p>b) Xác định danh sách ngân (nếu có);</p> <p>c) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;</p> <p>d) Đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;</p> <p>đ) Xét duyệt trúng thầu, xác định nhà thầu trúng thầu.</p> <p>Việc ký kết hợp đồng chỉ được thực hiện sau khi dự án được phê duyệt</p>	<p>Điều 3. Nguyên tắc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế</p> <p>1. Phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, lợi ích quốc gia, dân tộc, đường lối đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tuân thủ nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia và các nguyên tắc cơ bản khác của pháp luật quốc tế.</p> <p>Như vậy, việc quy định như tại dự thảo là cơ sở pháp lý để cơ quan có thẩm quyền có thể quy định các nội dung về đấu thầu trước trong quá trình đàm phán điều ước quốc tế, thỏa thuận vay mà không mâu thuẫn với pháp luật đấu thầu, pháp luật về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p><i>đầu tư; đối với gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, việc ký kết hợp đồng có thể thực hiện trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài theo quy định của nhà tài trợ nước ngoài nhưng phải đảm bảo sau khi dự án được phê duyệt đầu tư.</i></p> <p><i>5. Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu phải xác định rõ trách nhiệm của nhà thầu và chủ đầu tư trong việc thực hiện đấu thầu trước theo quy định tại Điều này.</i></p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p><i>Trường hợp dự án không được phê duyệt hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài không được ký kết mà không thể bố trí nguồn vốn khác thì chủ đầu tư hủy thầu và không phải bồi hoàn chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</i></p> <p>6. Các hoạt động quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 43 của Luật này”.</p>		
4.2.	<i>Về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp</i>	Bổ sung Điều 29 như sau:	Chưa được quy định tại pháp luật khác.	Đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 29 không có mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên

STT	NHÓM VĂN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
	<i>đặc biệt</i>	<p>a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 29 như sau:</p> <p>“Lựa chọn luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại <i>cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nước ngoài</i>, cơ quan tài phán, <i>cơ quan giải quyết tranh chấp</i> nước ngoài hoặc quốc tế;”.</p>		quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.
		<p>b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 29 như sau:</p> <p>“Gói thầu về đào tạo chuyên sâu cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự</p>	Chưa được quy định tại pháp luật khác.	Đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 29 không có mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>ngành công lập do cơ sở đào tạo nước ngoài trực tiếp thực hiện tại nước ngoài; mua vé máy bay cho đoàn đi công tác trong nước và quốc tế; gói thầu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành đặc thù cho cán bộ, công chức, <i>viên chức, người lao động</i> do cần thiết phải mời cơ quan, đơn vị có thẩm quyền hoặc có chức năng, nhiệm vụ đào tạo chuyên môn được cơ quan có thẩm quyền giao.”</p>		<p>phạm pháp luật khác có liên quan.</p>
		<p>c) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 29 như sau:</p>	<p>- <i>Gói thầu sản xuất phim</i>: chưa được quy định tại pháp luật khác. - <i>Gói thầu các đơn vị sự nghiệp của Trung ương đảng, cơ quan thuộc Chính phủ mua thông tin</i></p>	<p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 29 không có mâu thuẫn, chồng</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>“e) Gói thầu thực hiện nhiệm vụ chính trị do Đảng và Nhà nước giao, bao gồm: tuyên truyền trên báo in, báo điện tử, đài phát thanh, truyền hình và phương tiện thông tin đại chúng khác trong trường hợp cơ quan, đơn vị được giao kinh phí tuyên truyền trực tiếp ký hợp đồng với các cơ quan này để thực hiện; tổ chức chương trình nghệ thuật đặc biệt; hợp tác sản xuất phim, sản xuất phim; gói thầu của các đơn vị sự nghiệp của Trung ương đảng, cơ quan thuộc Chính phủ mua thông tin của các hãng thông tấn, tổ</p>	<p>của các hãng thông tấn, tổ chức báo chí nước ngoài, in ấn phẩm báo chí nhằm tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước:</p> <p>- Luật Báo chí số 103/2016/QH13</p> <p>Điều 37. Liên kết trong hoạt động báo chí số 103/2016/QH13</p> <p>...</p> <p>2. Cơ quan báo chí được phép liên kết trong các lĩnh vực sau đây:</p> <p>...</p> <p>b) Khai thác hoặc mua bản quyền về mǎng sét, nội dung các ấn phẩm báo chí thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, thể thao, giải trí, quảng cáo và thông tin kinh tế của báo chí nước ngoài để xuất bản tại Việt Nam;</p> <p>...</p> <p>Nội dung này quy định về các hoạt động được phép liên kết (thường có chia sẻ lợi nhuận) trong hoạt động báo chí mà không quy định về việc mua thông tin (không chia sẻ lợi nhuận) của các hãng thông tấn, cơ quan báo chí nước ngoài. Do vậy, việc “mua thông tin của các hãng tin, thông tấn nước ngoài” hiện nay chưa được quy định tại</p>	<p>chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau: điểm b khoản 2 Điều 37 Luật Báo chí số 103/2016/QH13 và các văn bản quy phạm pháp luật khác.</p>



STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<i>chức báo chí nước ngoài, in ấn phẩm báo chí nhằm tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước;”.</i>	các văn bản quy phạm pháp luật khác, không thuộc nội dung quy định nêu trên, không gây mâu thuẫn, chồng chéo.	
		đ) Sửa đổi điểm g khoản 1 Điều 29 như sau: “g) Gói thầu sản xuất và lắp đặt sân khấu phục vụ sản xuất chương trình phát sóng gắn liền với ý tưởng thực hiện; thuê địa điểm để tổ chức sản xuất, ghi hình chương trình mang tính nghệ thuật cao;	Chưa được quy định tại pháp luật khác.	Đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 Điều 29 không có mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.
		đ) Bổ sung điểm h1, h2, h3 và h4 vào sau điểm h khoản 1 Điều 29 như sau:	Gói thầu tại điểm h1: - Bộ Luật Tố tụng hình sự (Điều 217) Điều 217. Tiến hành định giá tài sản	Đề xuất bổ sung điểm h1, h2, h3 và h4 vào sau điểm h khoản 1 Điều 29 không có mâu thuẫn, chồng chéo,

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p><i>“h1) Gói thầu thẩm định giá tài sản liên quan đến các vụ án hình sự cần thực hiện gấp theo yêu cầu của cơ quan điều tra;</i></p>	<p>1. Việc định giá tài sản do Hội đồng định giá tài sản tiến hành. Phiên họp định giá tài sản có thể thực hiện tại nơi có tài sản được định giá hoặc nơi khác theo quyết định của Hội đồng định giá tài sản.</p> <p>- Nghị định số 97/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự</p> <p><i>Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự</i></p> <p>3. Sửa đổi, bổ sung điểm a và b khoản 1 Điều 10 như sau:</p> <p><i>“1. Hội đồng định giá có quyền:</i></p>	<p>không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau: khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 97/2019/NĐ-CP, Điều 1 Nghị định số 18/2022/NĐ-CP.</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
			<p>a) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu cần thiết cho việc định giá;</p> <p>b) Thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thực hiện thẩm định giá tài sản; thuê tổ chức, cá nhân có kinh nghiệm tư vấn về giám định tình trạng kinh tế - kỹ thuật và các nội dung khác phục vụ việc định giá tài sản. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá và các tổ chức, cá nhân có kinh nghiệm tư vấn được tiến hành trong các trường hợp cần thiết do Hội đồng định giá tài sản quyết định. Trường hợp thực hiện định giá tài sản phục vụ các vụ án cần thực hiện gấp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các gói thầu thẩm định giá tài sản, gói thầu thuê tổ chức, cá nhân có kinh nghiệm tư vấn về giám định tình trạng kinh tế - kỹ thuật và các nội dung khác phục vụ việc định giá tài sản được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Luật Đấu thầu và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p><i>h2) Gói thầu cung cấp dịch vụ tổ chức các hội nghị, hội thảo, đại hội, tập huấn (phục vụ ăn, nghỉ cho đại biểu; cho thuê hội trường, phòng họp và các dịch vụ liên quan) có yêu cầu phải bố trí địa điểm ăn, nghỉ tập trung cho đại biểu và tiến độ cần thực hiện gấp;</i></p> <p><i>h3) Gói thầu phục vụ công tác đối ngoại đón đoàn khách quốc tế thăm và làm việc tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nghi lễ đối</i></p>	<p><i>Gói thầu tại điểm h2: Chưa được quy định tại pháp luật khác.</i></p> <p><i>Gói thầu tại điểm h3:</i> Nghị định số 18/2022/NĐ-CP về nghi lễ đối ngoại</p> <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p><i>1. Nghị định này quy định nghi lễ đối ngoại, bao gồm:</i></p> <p><i>a) Đón, tiếp các đoàn khách cấp cao nước ngoài thăm cấp nhà nước, thăm chính thức, thăm làm</i></p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p><i>ngoại; gói thầu mua tặng phẩm đối ngoại cho Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương đi công tác nước ngoài;</i></p> <p><i>h4) Gói thầu mua dịch vụ của các công ty xếp hạng tín dụng quốc tế; gói thầu mua dịch vụ thanh toán quốc tế được cung cấp độc quyền bởi</i></p>	<p><i>việc, thăm nội bộ, thăm cá nhân, quá cảnh; đón, tiếp Bộ trưởng, Trưởng các cơ quan của Nghị viện hoặc cấp tương đương và một số đoàn khách quốc tế khác;</i></p> <p><i>b) Tiễn, đón Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đi thăm, dự hội nghị quốc tế ở nước ngoài; thư, điện mừng, điện chia buồn, thăm hỏi của Lãnh đạo cấp cao;</i></p> <p><i>c) Nghi lễ dành cho Trưởng cơ quan đại diện nước ngoài, bao gồm Trưởng cơ quan đại diện ngoại giao, Trưởng cơ quan đại diện lãnh sự, và Trưởng cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam.</i></p> <p><i>Gói thầu tại điểm h4: Chưa được quy định tại pháp luật khác.</i></p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<i>Hiệp hội viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu SWIFT; gói thầu mua dịch vụ của các công ty cung cấp dịch vụ thông tin tài chính – tiền tệ quốc tế và nền tảng giao dịch”.</i>		
		đ) Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 1 Điều 29 như sau: “Trường hợp dự án, gói thầu có điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng không thuộc quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, h1, h2, h3 và h4 khoản này, Bộ trưởng, Thủ	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật số 47/2019/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13. Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ... 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 14 như sau:	Đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 29 không có mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau: Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13, Luật số 47/2019/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<i>trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.”</i>	<i>“1. Trong trường hợp cần thiết, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này, cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thể ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp, Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể. Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản.</i>	Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13
		e) Sửa đổi khoản 2 Điều 29 như sau: “2. Thẩm quyền quyết định lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt được quy định như sau: a) Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn nhà thầu quy định tại	- Luật Tổ chức Chính phủ Điều 34. Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ ...	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>điểm a và điểm b khoản 1 Điều này;</p> <p><i>b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này trên cơ sở ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao theo từng lĩnh vực phụ trách về sự cần thiết và điều kiện đặc thù của một hoặc các yếu tố cần bảo</i></p>	<p><i>6. Quyết định phân cấp cho chính quyền địa phương thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến ngành, lĩnh vực được giao quản lý theo phạm vi lãnh thổ; phân cấp, ủy quyền cho các tổ chức, đơn vị trực thuộc.</i></p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p><i>đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ cho gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm đó;</i></p> <p><i>c) Người có thẩm quyền của dự án, dự toán mua sắm quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn nhà thầu quy định tại các điểm d, đ, e, g, h, h1, h2, h3 và h4 khoản 1 Điều này.”.</i></p>		
		<p>g) Sửa đổi khoản 3 Điều 29 như sau:</p> <p>“Văn bản đề nghị phê duyệt phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt phải nêu rõ lý do không thể đáp ứng điều kiện về lựa</p>	Chưa được quy định tại pháp luật khác.	Đề xuất sửa đổi khoản 3 Điều 29 không có mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		chọn nhà thầu quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật này, <i>trừ các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g, h, h1, h2, h3 và h4 khoản 1 Điều này.</i> ”.		
4.3.	<i>Về việc áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế, đấu thầu trong nước</i>	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 4 như sau: <i>11. “Đấu thầu trong nước là hoạt động đấu thầu chỉ có nhà thầu, nhà đầu tư trong nước được tham dự thầu, trừ trường hợp nhà tài trợ nước ngoài có quy định về việc nhà thầu nước ngoài được tham dự thầu đối với gói thầu thuộc dự án sử</i>	- Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13 <i>Điều 14. Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến về việc ký điều ước quốc tế</i> <i>1. Trước khi quyết định ký điều ước quốc tế có quy định khác hoặc chưa được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, quy định trái pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc điều ước quốc tế mà việc thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cơ quan có thẩm quyền quyết định ký điều ước quốc tế quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 của Luật này trình Ủy ban</i>	Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 22 không có mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau: Điều 14 Luật Điều ước quốc tế, khoản 1 Điều 3 Luật Thỏa thuận quốc tế.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p><i>dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.</i>"</p> <p>2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 11 như sau:</p> <p>"a. Nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu tổ chức đấu thầu quốc tế <i>theo quy định ràng buộc của nhà tài trợ</i>".</p> <p>3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 22 như sau:</p> <p>"2. Nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu tổ chức đấu thầu hạn chế <i>theo quy định ràng buộc của nhà tài trợ</i>".</p>	<p><i>thường vụ Quốc hội cho ý kiến. Quy định này không áp dụng trong trường hợp điều ước quốc tế thuộc thẩm quyền phê chuẩn của Quốc hội quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này.</i></p> <p><i>2. Căn cứ vào ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ quyết định ký điều ước quốc tế đó.</i></p> <p>- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14</p> <p>Điều 3. Nguyên tắc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế</p> <p><i>1. Phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, lợi ích quốc gia, dân tộc, đường lối đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tuân thủ nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia và các nguyên tắc cơ bản khác của pháp luật quốc tế.</i></p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
			Việc quy định như dự thảo Luật là cơ sở pháp lý để cơ quan có thẩm quyền ký điều ước quốc tế, thỏa thuận vay trong quá trình đàm phán được quy định các nội dung này theo yêu cầu của nhà tài trợ mà không mâu thuẫn, chồng chéo, bảo đảm phù hợp, thống nhất áp dụng trong pháp luật về đấu thầu và các quy định tại điều ước quốc tế, thỏa thuận vay.	
4.4.	<i>Về mua thuốc để bán lẻ tại các nhà thuốc bệnh viện công lập</i>	Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Đấu thầu như sau: “2. Đối với việc mua thuốc không thuộc danh mục thuốc do quỹ bảo hiểm y tế chi trả, mua vắc xin để tiêm chủng theo hình thức dịch vụ, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở y tế tự quyết định việc mua sắm trên cơ sở	Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 107 Luật Dược số 105/2016/QH13, đấu thầu thuốc dự trữ quốc gia theo quy định của Luật đấu thầu và pháp luật về dự trữ quốc gia; <i>đấu thầu thuốc mua từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của cơ sở y tế công lập theo quy định của Luật đấu thầu</i> , trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này Do vậy, Dự thảo Luật quy định riêng cho việc mua sắm thuốc tại cơ sở bán lẻ thuốc, không áp dụng chung quy định với các gói thầu khác, không gây mâu thuẫn, chồng chéo với pháp luật đấu thầu hiện	Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 55 không có mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.</p> <p><i>Đối với việc mua thuốc để bán lẻ tại cơ sở bán lẻ thuốc trong khuôn viên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, trường hợp áp dụng mua sắm trực tiếp, chủ đầu tư được áp dụng nhiều lần đối với một hoặc nhiều loại thuốc; điều kiện áp dụng mua sắm trực tiếp trong từng lần đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 25 của Luật này.”</i></p>	hành và Luật Dược cũng như pháp luật khác có liên quan.	
4.5.	<i>Về phương thức đấu thầu một giai đoạn hai túi hồ sơ và</i>	Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 Luật Đấu thầu như sau:	Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển	Đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 31 và điểm d khoản 1 Điều 43 không có mâu thuẫn, chồng



STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
	<i>thương thảo hợp đồng</i>	<i>“b) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có nội dung thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Trường hợp không áp dụng quy định tại điểm này thì được chọn áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ”.</i>	và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.	chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, đồng thời dự thảo Luật chỉ dẫn chiếu tới Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.
		Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm d khoản 1		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>Điều 43 như sau:</p> <p>“d) Thương thảo hợp đồng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p>Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ phi tư vấn áp dụng đấu thầu quốc tế, gói thầu hỗn hợp và gói thầu <i>có nội dung thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành</i>, trường hợp cần thiết, bên mời thầu có thể</p>		

STT	NHÓM VĂN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		thương thảo hợp đồng với nhà thầu xếp hạng thứ nhất”.		
4.6.	<p><i>Một số nội dung khác:</i></p> <p>- Về tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư:</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 5 như sau:</p> <p>“a) Đối với nhà thầu, nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức khác được đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà thầu, nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động</p>	Chưa được quy định tại pháp luật khác.	Đề xuất sửa đổi, bổ sung, điểm a khoản 1 Điều 5 không có mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		theo pháp luật nước ngoài”.		
	<i>Về thời gian trong lựa chọn nhà thầu:</i>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm đ khoản 1 Điều 45 như sau:</p> <p>“Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế tối thiểu là 18 ngày đối với đấu thầu trong nước, 35 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không</p>	Nội dung này chưa được quy định tại pháp luật khác.	Đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm đ khoản 1 Điều 45 không có mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>quá 10 tỷ đồng thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước, 18 ngày đối với đấu thầu quốc tế; <i>đối với gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu có thể quy định tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước</i>”.</p> <p>“đ. Việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, <i>gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ</i>, việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Việc sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển được thực hiện trong thời gian</p>		

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu”		
	<i>Về gói thầu chỉ định thầu cần triển khai ngay để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh</i>	Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 23 như sau: “c. Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện, phương tiện, xây lắp và <i>hàng hóa khác</i> cần triển khai ngay để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh; <i>gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp nhằm</i> duy trì hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cấp bách,	Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13: Điều 41. Mua hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về đấu thầu ... 2. Các trường hợp chỉ định thầu được áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu và đối với các trường hợp sau đây: a) Đối với gói thầu mua hàng dự trữ quốc gia phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phải bảo đảm yêu cầu bí mật thông tin theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; b) Trường hợp không thể áp dụng đấu thầu rộng rãi hoặc chào hàng cạnh tranh do tính chất đột xuất, cấp bách, yêu cầu thời vụ, thời điểm đối với gói thầu mua hàng dự trữ quốc gia là thuốc phòng,	Đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 23 không có mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau: Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 và các văn bản pháp luật liên quan khác.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		tránh gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe người dân; gói thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện để cấp cứu người bệnh trong tình trạng cấp cứu theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không có đủ thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện; gói thầu mua thuốc, thiết bị y tế chỉ có duy nhất một hãng sản xuất trên thị trường;"	chống dịch bệnh, hóa chất sát trùng, thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống cây trồng.	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
	Về căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và điều kiện chỉ định thầu đối với gói thầu quy hoạch	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 23 như sau:</p> <p>“a) Có quyết định đầu tư được phê duyệt đối với dự án, trừ gói thầu tư vấn phục vụ công tác chuẩn bị dự án; đối với gói thầu tư vấn lập quy hoạch và các gói thầu phục vụ công tác lập quy hoạch, có quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch, trừ gói thầu tư vấn cần thực hiện trước khi phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và trường hợp không phải phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch”.</p>	<p>- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14:</p> <p>Điều 7. Trình tự trong hoạt động quy hoạch</p> <p>1. Lập quy hoạch:</p> <p>a) Lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;</p> <p>b) Tổ chức lập quy hoạch.</p> <p>2. Thẩm định quy hoạch.</p> <p>3. Quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch.</p> <p>4. Công bố quy hoạch.</p> <p>5. Thực hiện quy hoạch.</p> <p>Điều 32. Nội dung thẩm định quy hoạch</p> <p>Nội dung thẩm định quy hoạch tập trung vào các vấn đề sau đây:</p> <p>1. Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt;</p> <p>2. Việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại Điều 16 của Luật này;</p>	<p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 23, điểm a khoản 1 Điều 38 không có mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau: Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 (Điều 7, Điều 32), Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 27/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (điểm c khoản 1 Điều 9), Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế (khoản 4 và khoản 5</p>

STT	NHÓM VĂN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 38 như sau:</p> <p>“a) Quyết định phê duyệt dự án và tài liệu có liên quan, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án, đổi với gói thầu tư vấn lập quy hoạch và các gói thầu phục vụ công tác lập quy hoạch, có quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và tài liệu có liên quan, trừ gói thầu tư vấn cần thực hiện trước khi phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và trường hợp không phải phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Đối với gói</p>	<p>3. Việc tích hợp các nội dung quy hoạch do Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan được phân công thực hiện;</p> <p>4. Sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Mục 2 Chương II của Luật này.</p> <p>- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 27/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch:</p> <p>Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch vùng</p> <p>1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch, bao gồm các hoạt động sau đây:</p> <p>...</p> <p>c) Cơ quan lập quy hoạch được thuê tư vấn đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn quy định tại Điều 4 Nghị định này để xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch.</p>	<p>Điều 7) và các văn bản pháp luật liên quan khác</p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>thâu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì căn cứ theo quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư”.</p>	<p>- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, các trường hợp không cần lập nhiệm vụ quy hoạch:</p> <p>Điều 7. Quy hoạch xây dựng khu công nghiệp</p> <p>...</p> <p>4. Các trường hợp không cần lập nhiệm vụ quy hoạch:</p> <p>a) Trường hợp lập quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp tại khu vực đã có quy hoạch chung xây dựng hoặc quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế đã được phê duyệt thì không cần lập nhiệm vụ quy hoạch;</p> <p>b) Trường hợp lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp tại khu vực đã có quy hoạch phân khu xây dựng được phê duyệt thì không cần lập nhiệm vụ quy hoạch;</p> <p>c) Trường hợp không cần lập nhiệm vụ quy hoạch theo quy định tại khoản 5 Điều này.</p> <p>5.</p>	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
			<p>...</p> <p>Trường hợp khu công nghiệp, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ quy định tại khoản này được xác định trong quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế đã được phê duyệt thì được lập đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp mà không cần lập nhiệm vụ quy hoạch.</p>	
	<i>Về hủy thầu</i>	<p>Bổ sung điểm e khoản 1 Điều 17 như sau:</p> <p>“e. Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật này.”</p>	Chưa được quy định tại pháp luật khác.	Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 không có mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.
		<p>Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 10 Điều 78 như sau:</p> <p>“10. Hủy thầu đối với trường hợp quy định tại</p>	Chưa được quy định tại pháp luật khác.	Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 78 không có mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan

STT	NHÓM VĂN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		điểm a và điểm e khoản 1 Điều 17 của Luật này.”		tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.
	<i>Về áp dụng Luật Đấu thầu</i>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 7 Điều 3 như sau:</p> <p>“d. Lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; lựa chọn nhà thầu để thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư kinh doanh quy định tại</p>	<p>- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập:</p> <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; y tế - dân số; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác.</p> <p>Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng theo quy định của pháp luật, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công hoặc phục vụ quản lý nhà nước (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công). 2. Đơn vị sự nghiệp công trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Đài Truyền hình Việt Nam,</p>	Đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 7 Điều 3 không có mâu thuẫn, chồng chéo, không làm thay đổi, điều chỉnh quy định có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau: Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác và

STT	NHÓM VẤN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>khoản 3 Điều 2 của Luật này; lựa chọn nhà thầu cung cấp <i>hàng hóa</i>, dịch vụ tư vấn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ phi tư vấn phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã trúng thầu ký hợp đồng”.</p>	<p>Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam; đơn vị sự nghiệp công thuộc đơn vị sự nghiệp công thực hiện theo quy định của Nghị định này và quy định pháp luật khác có liên quan.</p> <p>3. Đơn vị sự nghiệp công thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được áp dụng quy định tại Nghị định này và các quy định của Đảng và của pháp luật khác có liên quan.</p> <p>4. Đơn vị sự nghiệp công được thành lập theo Hiệp định và cam kết giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ các nước hoặc tổ chức quốc tế thực hiện cơ chế tài chính theo cam kết, Điều ước quốc tế hoặc Quyết định đặc thù do Thủ tướng Chính phủ ban hành.</p> <p>- Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác:</p> <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Nghị định này quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp</p>	<p>các văn bản pháp luật liên quan khác</p>

STT	NHÓM VĂN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
			<p>kinh tế và sự nghiệp khác: Nông nghiệp và phát triển nông thôn, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, công thương, xây dựng, lao động thương binh và xã hội, tư pháp, sự nghiệp khác.</p> <p>2. Nghị định này không điều chỉnh đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực: Y tế; giáo dục đào tạo; dạy nghề; văn hóa thể thao và du lịch; thông tin truyền thông và báo chí; khoa học và công nghệ.</p> <p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác).</p> <p>2. Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có), được áp dụng các quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.</p>	